



BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

21

Tháng 11 - 2010

# LỄ TRAO GIẢI THƯỞNG “CÚP VÀNG CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG VIỆT NAM 2010”

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2010



Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Thiện Nhân phát biểu tại buổi Lễ



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân trao Cúp vàng chất lượng xây dựng Việt Nam cho đại diện các đơn vị có công trình đạt chất lượng cao

**THÔNG TIN  
XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
**MỖI THÁNG 2 KỶ**

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
**NĂM THỨ MƯỜI MỘT**

**21**

**SỐ 21 - 11/2010**

## **MỤC LỤC**

### **Văn bản quản lý**

#### **Văn bản các cơ quan TW**

- Quyết định số 1961/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với công chức lãnh đạo, chuyên môn đô thị các cấp giai đoạn 2010 - 2015” 5
- Quyết định số 1979/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu công nghệ cao Đà Nẵng 6
- Quyết định số 1995/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch nghĩa trang Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 8
- Thông tư số 19/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị 9
- Thông tư số 20/2010/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn thí điểm xây dựng và công bố một số chỉ số đánh giá thị trường bất động sản 11
- Thông tư số 21/2010/TT- BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chi tiết về thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu 12

#### **Văn bản của địa phương**

- Quyết định số 44/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ban hành Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng xây dựng và đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Long An 13
- Quyết định số 1183/QĐHC-CTUBND của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt Quy hoạch thu hút và quản lý, sử dụng ODA tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2011 – 2015, tầm nhìn đến năm 2020 14



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc\_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## CHIU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

### Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH  
(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.BÙI THỊ QUỲNH ANH

CN.HOÀNG ĐẠI HẢI

CN.NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

## Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài:
  - + "Đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị xử lý bụi, khí thải lò nung clinker trong các nhà máy sản xuất xi măng & đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả xử lý môi trường" - Mã số: MT 12 - 2009 16
  - + Nghiên cứu công nghệ thi công kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối ở vùng biển Việt Nam 17
  - + Dự thảo Tiêu chuẩn quy hoạch quản lý chất thải rắn và Tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn 18
- Hội thảo quốc tế: Xây dựng công trình trong điều kiện đặc biệt - CEC 2010 19
- Thông báo Danh sách các phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được công nhận trong tháng 10/2010 21
- Bê tông GGBS và hiệu ứng Albedo giảm ấm nóng toàn cầu 24
- Phân tích các đặc điểm trong thiết kế tiết kiệm năng lượng cho nhà ở 27
- Tin Xây dựng quốc tế qua mạng Internet 28

## Thông tin

- Hội nghị tổng kết cuộc vận động "Đảm bảo và nâng cao chất lượng công trình, sản phẩm xây dựng" giai đoạn 2006 - 2010 30
- Lễ trao Giải thưởng "Cúp vàng chất lượng xây dựng Việt Nam" năm 2010 32
- Hạp báo về Hội thảo quốc tế "Phát triển nhà ở và thị trường bất động sản - kinh nghiệm thế giới và lựa chọn cho Việt Nam" 33
- Hội thảo giới thiệu chính sách và tham vấn triển khai dự án CDM theo Chương trình PoA-CDM trong sản xuất gạch không nung tại Việt Nam 35
- Lãnh đạo Bộ Xây dựng góp ý kiến Dự thảo Quy hoạch phát triển nhân lực ngành xây dựng giai đoạn 2011 - 2020 37
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam định hướng chuyên môn hóa sâu lĩnh vực chế tạo cơ khí, phát huy vai trò tổng thầu EPC trong giai đoạn 2011 -2015 39
- Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2010 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 2011, giai đoạn 2011-2015 của Tổng Công ty cổ phần Sông Hồng 41
- Phân tích những mặt hạn chế về quản lý nhân viên trong các doanh nghiệp xây dựng tư nhân 42
- Tòa nhà văn phòng và trung tâm thương mại Elokhov ở thủ đô Matxcova 45



## VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

### **Quyết định số 1961/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với công chức lãnh đạo, chuyên môn đô thị các cấp giai đoạn 2010 - 2015”**

Ngày 25/10/2010 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1961/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với công chức lãnh đạo, chuyên môn đô thị các cấp giai đoạn 2010 - 2015”. Đề án được xây dựng với mục tiêu cụ thể là trang bị cho công chức lãnh đạo, chuyên môn đô thị các cấp những kiến thức cơ bản về quản lý đô thị, kỹ năng lãnh đạo, chỉ đạo điều hành và thực thi các nhiệm vụ quản lý quy hoạch đô thị, đầu tư xây dựng và quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng đô thị; quản lý phát triển và sử dụng đất đô thị; quản lý tài chính đô thị; quản lý môi trường, kiến trúc – cảnh quan đô thị; kiểm soát phát triển đô thị; Đồng thời mục tiêu Đề án đặt ra đến năm 2015 phấn đấu 100% công chức lãnh đạo đương nhiệm, công chức đô thị từ loại V trở lên, công chức lãnh đạo, chuyên môn các cơ quan tham mưu giúp UBND các cấp quản lý xây dựng và phát triển đô thị được đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung, cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý xây dựng và phát triển đô thị.

Theo Quyết định này Đề án được thực hiện từ năm 2010 đến năm 2015, trong đó giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2011 tập trung giải quyết các vấn đề về thể chế, khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng; xây dựng chương trình, tài liệu; đào tạo, bồi dưỡng giảng viên; đầu tư cơ sở vật chất Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô

thị, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của địa phương bảo đảm điều kiện dạy và học; đào tạo bồi dưỡng thí điểm và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2015. Từ năm 2012 đến năm 2015 nhiệm vụ của Đề án là: Tổ chức đào tạo bồi dưỡng công chức lãnh đạo, chuyên môn đô thị các cấp theo kế hoạch được phê duyệt; đồng thời với việc rà soát, hoàn thiện các chương trình đào tạo bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Những đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại Quyết định này gồm: Phó Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND thành phố, thị xã thuộc tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND quận, huyện thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường, xã của các thành phố trực thuộc Trung ương và thành phố, thị xã thuộc tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND thị trấn; Giám đốc, Phó giám đốc, Trưởng, Phó phòng chuyên môn thuộc các sở xây dựng, quy hoạch – kiến trúc, giao thông thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Trưởng, Phó phòng quản lý đô thị, công thương thuộc quận, huyện, thành phố, thị xã; Công chức địa chính – xây dựng – đô thị và môi trường phường, thị trấn và công chức địa chính – nông nghiệp – xây dựng và môi trường xã thuộc thành phố, thị xã.

Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho các cán bộ tập trung vào một số lĩnh

vực sau: Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị và nông thôn; Quản lý phát triển hạ tầng kỹ thuật, môi trường đô thị và vấn đề các ảnh hưởng do biến đổi khí hậu toàn cầu; Quản lý đô thị; Bảo tồn di sản đô thị; Quản lý đất đai, nhà ở và thị trường bất động sản; Tài chính xây dựng đô thị.

Về thời gian đào tạo, bồi dưỡng của mỗi chương trình từ 05 đến 10 ngày. Đối với những chương trình do địa phương chủ trì thì bố trí thời gian để giới thiệu, trao đổi và đánh giá thực trạng quản lý và định hướng phát triển quy hoạch, quản lý đô thị của địa phương.

Phương pháp đào tạo, bồi dưỡng được áp dụng theo hướng phát huy tính tự giác, chủ động tư duy sáng tạo của người học, tăng cường trao đổi thông tin, kiến thức và kinh nghiệm giữa giảng viên với học viên và giữa các học viên; Tổ chức trao đổi, phổ biến kinh nghiệm của nước ngoài về lĩnh vực xây dựng và phát triển đô thị thông qua mời chuyên gia trong nước và nước ngoài có năng lực và kinh nghiệm.

Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, các bộ, ngành liên quan và UBND thành phố trực thuộc Trung ương, UBND thành phố, thị xã thuộc tỉnh tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đối với các đối tượng: Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND các cấp, thành phố, thị xã, quận, huyện; Giám đốc, Phó giám đốc, Trưởng, Phó phòng chuyên môn thuộc các sở xây dựng, quy hoạch – kiến trúc, giao thông thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; Trưởng, Phó phòng Quản lý đô thị, Công thương thuộc quận, huyện, thành phố, thị xã và giảng viên

tham gia chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng đối với các đối tượng: Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường, xã của các thành phố trực thuộc Trung ương và thành phố, thị xã thuộc tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND thị trấn; công chức địa chính – xây dựng – đô thị và môi trường phường, thị trấn và công chức địa chính – nông nghiệp – xây dựng và môi trường xã thuộc thành phố, thị xã.

Nguồn kinh phí thực hiện Đề án gồm: Nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện đề án theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành trong đó Ngân sách Trung ương bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ được giao cho Bộ Xây dựng; Ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng công chức lãnh đạo, chuyên môn đô thị các cấp ở địa phương; Nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật. Nguồn kinh phí dùng để thực hiện các nhiệm vụ: Khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng; Xây dựng chương trình, tài liệu; Đào tạo thí điểm; Đào tạo, bồi dưỡng giảng viên; Xây dựng và hoàn thiện thể chế; Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng công chức lãnh đạo chuyên môn đô thị các cấp (trong nước và nước ngoài).

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

## **Quyết định số 1979/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu công nghệ cao Đà Nẵng**

Ngày 28/10/2010 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1979/QĐ-TTg về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của khu công nghệ cao Đà Nẵng. Quy chế quy định

hoạt động của Khu công nghệ cao Đà Nẵng bao gồm: quản lý nhà nước, đầu tư xây dựng, hoạt động theo chức năng và dịch vụ khu công nghệ cao. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức,

cá nhân Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động công nghệ cao tại khu công nghệ cao.

Mục tiêu xây dựng khu công nghệ cao Đà Nẵng là nhằm thu hút các nguồn lực công nghệ cao trong nước và nước ngoài, tạo động lực thúc đẩy phát triển công nghệ cao. Gắn kết giữa đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với sản xuất, kinh doanh và dịch vụ. Thúc đẩy đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao và phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Hình thành và phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ của thành phố Đà Nẵng, khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

Khu công nghệ cao Đà Nẵng có chức năng nghiên cứu, ươm tạo, phát triển, chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao; đào tạo nhân lực công nghệ cao; ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ công nghệ cao; đẩy mạnh ứng dụng và thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm.

Quy định hoạt động sản xuất, kinh doanh và doanh nghiệp trong Khu công nghệ cao Đà Nẵng thuộc các lĩnh vực: sản xuất, kinh doanh sản phẩm và dịch vụ công nghệ cao; xây dựng, kinh doanh và phát triển hạ tầng; phát triển khu công nghệ cao, dịch vụ khoa học công nghệ, dịch vụ dân sinh, khu chế xuất, kho ngoại quan, khu bảo thuế, logistic. Hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động của doanh nghiệp trong khu công nghệ cao thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.

Việc quy hoạch, xây dựng và khai thác cơ sở hạ tầng trong khu công nghệ cao yêu cầu: Trong quy hoạch chung phải dành trên 50% diện tích cho xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao. Đào tạo nhân lực công

nghệ cao, ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao; Xây dựng, khai thác hạ tầng và các công trình trong khu công nghệ cao tuân thủ theo quy hoạch và theo đúng mục tiêu của các dự án đầu tư vào khu công nghệ cao đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trong Quy chế này quy định các cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao phải có hạ tầng kỹ thuật đáp ứng cho việc ươm tạo công nghệ phù hợp với lĩnh vực chuyên ngành, hạ tầng thông tin hiện đại và điều kiện làm việc thuận lợi. Ngoài ra còn phải có đội ngũ quản lý chuyên nghiệp và chuyên gia tư vấn cho hoạt động ươm tạo, có các cam kết và kế hoạch hợp tác với các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, sản xuất phục vụ hoạt động ươm tạo, có báo cáo nghiên cứu khả thi và kế hoạch kinh doanh, có dự án đầu tư xây dựng cơ sở ươm tạo công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng được giao đất một lần để tổ chức xây dựng, phát triển khu công nghệ cao theo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, được giao đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm đối với tổ chức, cá nhân; giao lại đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê hoặc thu tiền thuê đất hằng năm đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc các tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng đất trong khu công nghệ cao theo quy định của Luật Đất đai. Trực tiếp thực hiện hoặc ủy thác cho doanh nghiệp khác thực hiện việc duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình cơ sở hạ tầng và các công trình xây dựng.

Ban Quản lý có nhiệm vụ xây dựng, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt và ban hành Quy hoạch, kế hoạch phát triển hằng năm, 05 năm và dài hạn đối với các khu công nghệ cao, kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động

khoa học và công nghệ; Kế hoạch đầu tư phát triển và dự toán ngân sách hằng năm (chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên); Cơ chế, chính sách ưu đãi đối với khu công nghệ cao, ưu đãi đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc tại Ban Quản lý; Các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn tiếp nhận viện trợ đầu tư phát triển khu công nghệ cao; Mức thu tiền sử dụng hạ tầng trong khu công nghệ cao.

Vốn đầu tư cho Khu công nghệ cao Đà Nẵng lấy từ ngân sách địa phương và ngân sách Trung ương hỗ trợ, kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, các nguồn vốn tín dụng đầu tư

và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước đối với các dự án thuộc đối tượng vay vốn theo quy định hiện hành về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu và huy động nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Dự án đầu tư vào khu công nghệ cao để thực hiện việc đào tạo, nghiên cứu, ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, sản xuất công nghệ cao, dịch vụ công nghệ cao được hưởng các ưu đãi về thuế theo quy định hiện hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

## **Quyết định số 1995/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch nghĩa trang Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050**

Ngày 2/11/2010 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1995/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch nghĩa trang Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050. Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của thành phố với tổng diện tích 3.344,47 km<sup>2</sup> và dân số gần 6,23 triệu người (theo thống kê năm 2008).

Quy hoạch nghĩa trang Thủ đô Hà Nội phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan. Ngoài ra quy hoạch nghĩa trang Thủ đô Hà Nội còn phải phù hợp với các điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn và khả năng khai thác quỹ đất, đồng thời phải đáp ứng nhu cầu mai táng trước mắt và lâu dài của nhân dân Thủ đô phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán tốt, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh hiện đại. Quy hoạch nghĩa trang phục vụ cho nhiều địa phương khác nhau và sử dụng hình thức mai

táng mới, văn minh, hiện đại, tiết kiệm đất, kinh phí xây dựng và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Khuyến khích các tổ chức và cá nhân tham gia đầu tư xây dựng và quản lý nghĩa trang.

Việc nghiên cứu quy hoạch cần phải đánh giá được tổng quan hiện trạng, dự báo phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện tự nhiên của Thủ đô Hà Nội. Điều tra, khảo sát, đánh giá tổng hợp và toàn diện về hiện trạng phân bố, quy mô, tình hình hoạt động, quản lý, sử dụng các nghĩa trang và nhà tang lễ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội. Rà soát, đánh giá các quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng nghĩa trang, các dự án đầu tư xây dựng nhà tang lễ đã, đang và sẽ đang triển khai trên địa bàn.

Trên cơ sở định hướng phát triển nghĩa trang trong Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến 2050 yêu cầu: Xác định phạm vi phục vụ của các nghĩa trang, nhà tang lễ, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật; Xác định nhu cầu táng, lựa chọn hình thức táng phù hợp và nhu cầu sử dụng đất để xây dựng nghĩa trang, nhà tang lễ (tập trung nghiên cứu cho



khu vực đô thị và định hướng cho khu vực nông thôn); Xác định các nghĩa trang cần đóng cửa, di chuyển hoặc cải tạo mở rộng để tiếp tục sử dụng; Xác định vị trí, quy mô, ranh giới các nghĩa trang, nhà tang lễ xây dựng mới; Xác định các chương trình, dự án, nguồn vốn và phân kỳ đầu tư để thực hiện quy hoạch; Đề xuất các quy định quản lý hệ thống nghĩa trang; Đánh giá môi trường chiến lược.

UBND thành phố Hà Nội có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch trong vòng 09 tháng kể từ ngày nhiệm vụ Quy hoạch nghĩa trang Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

## **Thông tư số 19/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị**

Ngày 22/10/2010 Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 19/2010/TT-BXD hướng dẫn lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị đối với: Các thành phố trực thuộc Trung ương; Thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh; Các đô thị trực thuộc huyện (thị trấn) không thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được lập trên cơ sở phù hợp với quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định hướng phát triển chung của khu vực và toàn đô thị, phù hợp với các quy định tại Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị. Nội dung quy chế phải kế thừa, phù hợp các quy định hiện hành về kiến trúc, cảnh quan, di sản đô thị. Tùy theo tình hình, yêu cầu thực tế của địa phương về địa hình, khí hậu, tập quán văn hoá, điều kiện kinh tế, xã hội, quy mô, tính chất của đô thị, nội dung quy chế có thể điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành. Quy chế này làm cơ sở để xem xét cấp phép xây dựng mới, hoặc cải tạo chỉnh trang các công trình kiến trúc, thiết kế cảnh quan trong đô thị; là một căn cứ để xác định việc lập nhiệm vụ quy hoạch, thiết kế đô thị đối với khu vực chưa có quy hoạch, thiết kế đô thị được duyệt.

Đối với các thành phố trực thuộc Trung ương: lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc

đô thị (gọi tắt là Quy chế) chung cho thành phố; đối với khu vực đô thị trung tâm của thành phố, các quận, các thị xã trực thuộc và các thị trấn thuộc huyện của thành phố cần có quy chế riêng; các quy chế riêng phải được lập trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với Quy chế chung của thành phố. Nếu quy chế riêng được lập trước thì sau đó cập nhật vào Quy chế chung. Trong trường hợp có những đối tượng liên quan đến nhiều quận, thị xã như các đại lộ, tuyến đường chính qua thành phố thì phải tuân thủ quy chế chung của thành phố; những đoạn đi qua các quận, thị xã thì tuân thủ quy chế riêng tại khu vực nhưng không trái với quy chế chung. Những khu vực đã có quy hoạch, thiết kế đô thị được duyệt thì quy chế được lập trên cơ sở đồ án quy hoạch đô thị, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch, đồ án thiết kế đô thị đã được duyệt.

Các công trình kiến trúc công cộng tại các thành phố trực thuộc Trung ương thì lập quy chế quản lý định hướng cải tạo những công trình cũ về không gian, kiến trúc, định hướng xây dựng mới và kiểm soát về ngôn ngữ kiến trúc, tầng cao... (trong khu trung tâm cũ, các khu vực xây dựng mới, quản lý kiến trúc theo quy hoạch, đảm bảo về mật độ xây dựng, khoảng lùi tầng cao, điểm nhấn, tầm nhìn...); Đối với công trình nhà ở thì quy định quản lý kiến trúc cho từng loại hình nhà ở trong đô thị về hình thức, kiểu dáng như nhà ở hiện hữu, nhà

ở riêng rẽ, chung cư, cải tạo nhà cũ trên các tuyến phố, nhà xây mới; Đối với công trình có tính đặc thù như tượng đài, công trình kỷ niệm, công trình văn hóa đặc biệt, công trình tôn giáo tín ngưỡng yêu cầu bảo tồn, kiểm soát việc xây mới, yêu cầu về vai trò của kiến trúc sư đối với các công trình và sự phối hợp chặt chẽ giữa họa sĩ với kiến trúc sư và chủ đầu tư.

Các công trình hạ tầng kỹ thuật, giao thông lập quy chế quản lý đối với đường phố, hè phố, lan can, chắn tàu đường sắt, bến bãi đường bộ, đường thủy; hệ thống đèn tín hiệu, cột đèn, hình thức kiến trúc, kích thước, công năng; các công trình khác như nghĩa trang, nghĩa địa, công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối,...các quy định phải đảm bảo phù hợp quy hoạch, đảm bảo mỹ quan, môi trường, kết nối đồng bộ.

Đối với các đô thị trực thuộc tỉnh gồm có các thành phố và thị xã, các thành phố và thị xã đều có quy chế riêng việc lập Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị cần phải có bản đồ, sơ đồ minh họa để chỉ dẫn tại các khu vực, giới hạn quản lý. Đối với những khu vực đã có quy hoạch, thiết kế đô thị thì lập quy chế có nội dung quy định quản lý trên cơ sở đồ án quy hoạch đô thị, bản quy định quản lý đồ án quy hoạch, đồ án thiết kế đô thị được duyệt. Mục tiêu của Quy chế là quản lý quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan đô thị trên phạm vi toàn thành phố (thị xã); kiểm soát việc xây dựng, chỉnh trang, phát triển của thành phố (thị xã); quy định cụ thể trách nhiệm quản lý quy hoạch, kiến trúc của các cấp chính quyền thành phố (thị xã).

Quy chế quản lý đối với quy hoạch và không gian thành phố (thị xã) tại khu vực đô thị hiện hữu gồm: quy định cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện để các chủ đầu tư xây dựng, chỉnh trang khu vực đô thị cũ; Xác định các khu vực đô thị cải tạo, chỉnh trang trong đô thị và quy định cụ thể đối với khu vực đó; Phân định vị trí, ranh giới, quy mô từng khu nhỏ hoặc toàn khu theo diện tích đất, ô phố; Quy định quản lý về các chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc theo từng

đường phố trong khu phố cũ (chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, cao độ khống chế xây dựng, tầng cao, hình thức kiến trúc mặt đứng, vật liệu xây dựng, màu sắc...); Quy định quản lý đối với các công trình nằm trong danh mục bảo tồn; Quy định về bảo tồn nguyên trạng kiến trúc nếu trong danh mục bảo tồn (như nghiêm cấm việc xây dựng mới, chống lấn làm biến dạng kiến trúc ban đầu); quy định các công trình được phép cải tạo hoặc phá bỏ, xây dựng lại; Quy định thời gian bảo dưỡng định kỳ; Quy định về việc bố trí, tổ chức hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên từng tuyến phố trong khu vực.

Quy chế quản lý đối với công trình kiến trúc công cộng gồm: Quy định mật độ xây dựng trong các khuôn viên; các yêu cầu khi xây dựng mới và kiểm soát về ngôn ngữ kiến trúc, tầng cao...; Quy định cụ thể đối với các công trình tại vị trí điểm nhấn; bảo vệ các không gian trống (sân chơi, vườn hoa); Quy định cụ thể đối với các công trình trên các tuyến đường phố chính; Quy định về kiến trúc, hình thức kiến trúc, vấn đề tiết kiệm năng lượng, sử dụng vật liệu địa phương... Quy chế quản lý công trình nhà ở quản lý theo đồ án quy hoạch và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được duyệt.

Đối với các đô thị trực thuộc huyện (thị trấn) Quản lý quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan đô thị trên phạm vi toàn thị trấn; kiểm soát việc xây dựng, chỉnh trang, phát triển toàn thị trấn; quy định cụ thể trách nhiệm quản lý kiến trúc, quy hoạch, xây dựng đối với chính quyền thị trấn; các tổ chức và cá nhân trong nước ngoài có hoạt động liên quan đến không gian, kiến trúc, cảnh quan trong thị trấn có trách nhiệm thực hiện theo đúng Quy chế này.

Quy chế quản lý đối với quy hoạch và không gian thị trấn gồm: Quy định đối với việc mở đường trên cơ sở đường hiện có (lộ giới, khoảng lùi, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước...); Quy định xây dựng hai bên đường đối với việc mở đường mới (với từng loại đường: quốc lộ, tỉnh lộ...); Quy định diện tích đất tối thiểu, kích

thước các cạnh, hình dạng lô đất xây dựng, hình thức kiến trúc vùng, miễn của nhà ở thị trấn; Tổ chức thiết kế đô thị, cải tạo chỉnh trang bộ mặt thị trấn.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2010 và thay thế Thông tư số 08/2007/

TT-BXD ngày 10/9/2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn Lập, thẩm định, phê duyệt Quy chế Quản lý kiến trúc đô thị.

(Xem toàn văn tại: [www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn))

## **Thông tư số 20/2010/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn thí điểm xây dựng và công bố một số chỉ số đánh giá thị trường bất động sản**

Ngày 27/10/2010 Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 20/TT-BXD hướng dẫn thí điểm xây dựng và công bố một số chỉ số đánh giá thị trường bất động sản (gọi tắt là chỉ số) của thành phố Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng và TP. Cần Thơ.

Các chỉ số công bố theo hướng dẫn tại Thông tư này là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, sử dụng vào việc quản lý thị trường bất động sản (BDS) tại địa phương, khuyến khích các tỉnh, thành phố khác áp dụng này để xác định và công bố các chỉ số đánh giá thị trường BDS phục vụ công tác quản lý thị trường BDS tại địa phương.

Các loại BDS được lựa chọn để xây dựng các chỉ số bao gồm: BDS để bán và chuyển nhượng như căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, đất nền; BDS cho thuê. Các chỉ số được công bố bao gồm: Chỉ số giá giao dịch BDS chung của địa phương; Chỉ số giá, lượng giao dịch từng loại BDS ở từng khu vực của địa phương; Chỉ số lượng giao dịch BDS từng khu vực và của từng địa phương;

Các chỉ số được công bố phải đầy đủ, kịp thời, phản ánh sát với tình hình biến động của thị trường BDS tại địa phương. Các chỉ số được công bố bao gồm các chỉ số cho từng khu vực và các chỉ số chung cho địa phương. Đơn vị tính của các chỉ số là tỷ lệ phần trăm (%). Các chỉ số được công bố công khai, rộng rãi thông qua các phương tiện thông tin.

Việc xác định các chỉ số đánh giá thị trường

BDS thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này. Trường hợp cần thiết, cơ quan được giao tổ chức xây dựng các chỉ số có thể thuê các tổ chức, cá nhân có năng lực, kinh nghiệm trong lĩnh vực định giá BDS để thực hiện một số phần việc hoặc toàn bộ công việc thu thập số liệu, tính toán xác định các chỉ số. Tổ chức, cá nhân được thuê phải chịu trách nhiệm trước cơ quan được giao tổ chức xây dựng các chỉ số và trước pháp luật về tính trung thực, khách quan của các số liệu được thu thập, tính toán. Trước khi công bố, cơ quan được giao tổ chức xây dựng các chỉ số có trách nhiệm xem xét, đánh giá sự phù hợp của các số liệu do các tổ chức, cá nhân được thuê thực hiện.

Các chỉ số được công bố hàng quý và hàng năm. Đối với các chỉ số công bố theo quý: việc công bố được thực hiện vào tháng đầu tiên của quý sau. Đối với các chỉ số công bố theo năm: việc công bố được thực hiện vào quý I của năm sau. Định kỳ hàng quý, hàng năm, cơ quan được giao chủ trì tổ chức xây dựng các chỉ số tại các địa phương được lựa chọn làm thí điểm có trách nhiệm công bố các chỉ số trên các phương tiện thông tin.

Nguồn kinh phí để thu thập số liệu, tính toán xác định, công bố các chỉ số được cân đối từ nguồn ngân sách của địa phương hàng năm.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: [www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn))

## **Thông tư số 21/2010/TT- BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chi tiết về thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu**

Ngày 28/10/2010 Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 21/2010/TT-BKH Quy định chi tiết về thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu của dự án, dự toán mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu.

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu theo quy định tại Điều 59 Nghị định 85/2009/NĐ-CP bao gồm cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ hoặc nhà thầu tư vấn (tổ chức hoặc cá nhân) được lựa chọn theo quy định của pháp luật về đấu thầu để thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (cơ quan, tổ chức thẩm định). Tổ chức đã tham gia lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không được tham gia thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với cùng một gói thầu.

Nội dung thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu bao gồm: Tài liệu là căn cứ để lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác có liên quan; Nội dung của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc hồ sơ được lập theo Mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành, hồ sơ không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, nội dung của hồ sơ phải phù hợp với dự án, dự toán mua sắm kế hoạch đấu thầu đã được phê duyệt, phù hợp với tính chất và yêu cầu của gói thầu; Những nội dung còn thiếu, chưa rõ, không phù hợp của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu với mục tiêu, phạm vi công việc, thời gian thực hiện dự án, dự toán mua sắm và nội dung gói thầu trong kế hoạch đấu thầu, pháp luật về đấu thầu và pháp luật khác liên quan.

Thành viên cơ quan, tổ chức thẩm định (bao gồm cả tư vấn cá nhân) phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: có chứng chỉ tham gia khóa học về đấu thầu; có trình độ chuyên môn liên quan đến gói thầu; có tối thiểu 3 năm công tác trong lĩnh vực liên quan đến công việc được phân công, trường hợp đối với gói thầu được thực hiện ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn chỉ yêu cầu tối thiểu 1 năm; có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế; không phải là cá nhân đã tham gia lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với cùng một gói thầu.

Thời gian thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu tối đa là 20 ngày, đối với gói thầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ thời gian thẩm định tối đa là 30 ngày. Thời gian thẩm định được tính kể từ ngày cơ quan, tổ chức thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến ngày có báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế, trường hợp hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu bằng Tiếng Anh và tiếng Việt thì việc thẩm định được tiến hành trên bản tiếng Anh. Đơn vị lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu chịu trách nhiệm về tính chính xác giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt.

Căn cứ nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của cơ quan, tổ chức thẩm định (nếu có), chủ đầu tư xem xét quyết định việc thẩm định lại hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu sau khi đã được chỉnh sửa, bổ sung trên cơ sở báo cáo thẩm định lần thứ nhất. Trường hợp yêu cầu thẩm định lại thì thực hiện theo quy trình quy định tại Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/12/2010.

**(Xem toàn văn tại: [www.mpi.gov.vn](http://www.mpi.gov.vn))**

**VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG****Quyết định số 44/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ban hành Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng xây dựng và đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Long An**

Ngày 28/10/2010 UBND tỉnh Long An đã ban hành Quyết định số 44/2010/QĐ-UBND về Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng xây dựng và đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Long An. Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh (sở); UBND thành phố, các huyện (UBND cấp huyện); UBND các xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã); có liên quan đến hoạt động xây dựng thuộc mọi nguồn vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh Long An.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình đặc thù áp dụng theo qui định tại Nghị định số 71/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

Đối với các đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Long An gồm: chủ đầu tư xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ; chủ đầu tư xây dựng công trình; nhà thầu khảo sát xây dựng; nhà thầu thiết kế xây dựng công trình; nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; tổ chức kiểm tra, tổ chức chứng nhận chất lượng; nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị và lắp đặt thiết bị trong công trình; phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; tổ chức tư vấn thẩm tra thiết kế - dự toán xây dựng công trình thực hiện việc quản lý chất lượng và đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động các công trình xây dựng theo quy định hiện hành.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư thì: Sở Công Thương chịu trách nhiệm thực hiện việc quản lý chất lượng và đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động các công trình xây dựng nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, hoá chất, vật liệu nổ công nghiệp, chế tạo máy, luyện kim và các dự án công nghiệp chuyên ngành khác trừ công trình công nghiệp vật liệu xây dựng. Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thực hiện việc quản lý chất lượng và đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động các công trình thuỷ lợi, đê điều và các công trình nông nghiệp chuyên ngành khác. Sở Giao thông Vận tải chịu trách nhiệm thực hiện việc quản lý chất lượng và đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động các công trình giao thông. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện việc quản lý chất lượng và đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động của các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật đô thị và các dự án đầu tư xây dựng công trình khác do Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu và dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng dưới 20 tầng (đối với dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A trên địa bàn khi có yêu cầu). Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thực hiện việc quản lý chất lượng và đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động các công trình khai thác nước ngầm, khai thác khoáng sản và môi

trường; Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm thực hiện việc quản lý chất lượng và đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động các công trình chuyên ngành Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin ngoài những dự án thuộc thẩm quyền của các tập đoàn kinh tế nhà nước được Chính phủ giao quản lý nhà nước về lĩnh vực đó và quyết định đầu tư, theo quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BXD;

Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do UBND cấp huyện và cấp xã quyết định đầu tư thì Phòng Kinh tế và Hạ tầng 13 huyện, phòng Quản lý đô thị thành phố Tân An chịu trách nhiệm thực hiện việc quản lý chất lượng và đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với các dự án do UBND cấp huyện và cấp xã quyết định đầu tư.

Các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Ban Quản lý các khu công nghiệp, có trách nhiệm: Hướng dẫn, kiểm tra công tác bảo hành và chế độ bảo trì công trình xây dựng; Hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc giao nộp và lưu trữ hồ sơ, tài liệu khảo sát, thiết kế xây dựng, hồ sơ, tài liệu hoàn công công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh theo quy định của pháp luật; Hướng dẫn chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình về công tác bảo trì công trình đúng quy định; về nghiệp vụ quản lý chất lượng công trình xây dựng và đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động; đặc biệt là việc giải

quyết khi có sự cố xảy ra đối với các công trình xây dựng trên địa bàn; báo cáo Sở Xây dựng, Bộ quản lý công trình chuyên ngành, UBND tỉnh kết quả giải quyết sự cố của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình, các nhà thầu thi công, tư vấn; Tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng và đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng thuộc ngành quản lý trên địa bàn tỉnh.

Sở có công trình xây dựng chuyên ngành; sở, ngành có dự án đầu tư xây dựng; Ban quản lý các khu công nghiệp; UBND cấp huyện báo cáo theo mẫu của Bộ Xây dựng, gửi về Sở Xây dựng mỗi năm 2 kỳ: kỳ 1 trước ngày 15 tháng 6 và kỳ 2 trước ngày 15 tháng 12 hàng năm. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổng hợp, chuẩn bị báo cáo trình UBND tỉnh xem xét thông qua, để báo cáo định kỳ, đột xuất gửi Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn mỗi năm 2 kỳ: kỳ 1 trước ngày 30 tháng 6 và kỳ 2 trước ngày 30 tháng 12 hàng năm.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 68/2008/QĐ-UBND ngày 16/12/2008 của UBND tỉnh Long An ban hành quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng và đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Long An.

(Xem toàn văn tại: [www.longan.gov.vn](http://www.longan.gov.vn))

**Quyết định số 1183/QĐHC-CTUBND của Chủ tịch  
UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt Quy hoạch thu hút và  
quản lý, sử dụng ODA tỉnh Sóc Trăng giai đoạn  
2011 - 2015, tầm nhìn đến năm 2020**

Ngày 27/10/2010 Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng đã ký ban hành Quyết định số 1183/QĐHC-CTUBND về việc phê duyệt Quy hoạch thu hút và quản lý, sử dụng ODA tỉnh

Sóc Trăng giai đoạn 2011 – 2015, tầm nhìn đến năm 2020 với mục tiêu tăng cường thu hút và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA trên địa bàn tỉnh là nhằm khai thác tối đa

những thời cơ, lợi thế của tiến trình hội nhập quốc tế mang lại, huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và xóa đói giảm nghèo, đẩy nhanh tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo hướng tăng trưởng cao và phát triển bền vững; từng bước chuyển từ một tỉnh nông nghiệp thành tỉnh công nghiệp có tốc độ tăng trưởng GDP và chỉ số phát triển con người (HDI) vào loại trung bình của cả nước vào năm 2020.

Huy động đến mức cao nhất các nguồn vốn ODA của các tổ chức quốc tế và các chính phủ nước ngoài nhất là nguồn ngoại tệ mạnh cho đầu tư các chương trình, dự án ưu tiên của tỉnh; đồng thời sử dụng vốn ODA như một “chất xúc tác”, một “công cụ chính sách” để huy động những nguồn lực khác trong xã hội cho đầu tư phát triển.

Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ODA tập trung vào các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nông nghiệp, nông thôn, giáo dục, y tế, môi trường, giảm nghèo, nâng cao dân trí, phát triển nhân lực, nâng cao năng lực cộng đồng và năng lực thể chế...góp phần đưa tỉnh Sóc Trăng phát triển nhanh, bền vững trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Các lĩnh vực ưu tiên ODA chủ yếu trong thời kỳ 2011 – 2015 và gói đầu cho giai đoạn 2016 – 2020 bao gồm: Phát triển chất lượng nguồn nhân lực, hướng và các ngành công nghệ và công nghệ cao mà tỉnh có thể phát triển trong các giai đoạn tương ứng; Phát triển hệ thống hạ

tầng xã hội (y tế, giáo dục, đào tạo, dạy nghề...); Phát triển nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn (phát triển ngành nghề nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, dịch vụ hóa hoạt động sản xuất nông nghiệp) kết hợp xóa đói giảm nghèo (đặc biệt cho đồng bào Khmer); Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế kỹ thuật theo hướng hiện đại và đồng bộ, song song với phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, trong đó phát triển thành phố Sóc Trăng thành một trong những đô thị hiện đại của đồng bằng Sông Cửu Long; Dự phòng và khắc phục hậu quả của biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Nhu cầu vốn ODA cho giai đoạn 2011 – 2015 của tỉnh dự kiến khoảng 200 - 250 triệu USD (tăng gấp 2 lần so với giai đoạn 1993 - 2010) để góp phần thực hiện được mục tiêu huy động các nguồn lực xã hội khoảng 2,4 tỷ USD cho đầu tư phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội của địa phương theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020.

Quy hoạch thu hút và quản lý, sử dụng ODA tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2011 – 2015, tầm nhìn đến năm 2020 được phê duyệt là tài liệu khung cho việc lập kế hoạch 5 năm, kế hoạch hằng năm và đề xuất các chương trình, dự án thu hút, sử dụng ODA trên địa bàn tỉnh.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**(Xem toàn văn tại: [www.soctrang.gov.vn](http://www.soctrang.gov.vn))**

Nghiệm thu đề tài:

## **"Đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị xử lý bụi, khí thải lò nung clinker trong các nhà máy sản xuất xi măng & đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả xử lý môi trường" - Mã số: MT 12 - 2009**

Ngày 29/10/2010 Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài: "Đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị xử lý bụi, khí thải lò nung clinker trong các nhà máy sản xuất xi măng & đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả xử lý môi trường" do ThS. Nguyễn Thị Tâm - Viện VLXD làm chủ nhiệm đề tài.

Bên cạnh sự phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp xi măng việc quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý, bảo vệ môi trường, chống ô nhiễm và suy thoái môi trường cũng là mối quan tâm hàng đầu của mọi quốc gia trên thế giới, vì sản xuất xi măng là một trong những ngành công nghiệp sử dụng nhiều nhiên liệu hoá thạch và một lượng lớn tài nguyên thiên nhiên.

Ngành công nghiệp sản xuất xi măng có ảnh hưởng rất lớn đến môi trường sinh thái từ khâu khai thác, vận chuyển nguyên liệu, quá trình sản xuất cho đến khâu vận chuyển sản phẩm đến nơi tiêu thụ. Ngoài những lợi ích kinh tế lớn mà ngành công nghiệp xi măng mang lại, nếu không được kiểm tra từ khi triển khai lập và thực hiện dự án cho đến khi khai thác thương mại có thể sẽ để lại hậu quả rất lớn cho môi trường mà không thể bù đắp được. Chính vì vậy, việc triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu: "Đánh giá hiệu quả sử dụng thiết bị xử lý bụi, khí thải lò nung clinker trong các nhà máy sản xuất xi măng & đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả xử lý môi trường" là rất cần thiết, đáp ứng được sự mong mỏi của toàn xã hội.

Theo báo cáo của chủ nhiệm đề tài, nhóm thực hiện đề tài đã tiến hành thu thập thông tin,

khảo sát thực tế, đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội trong đầu tư thiết bị để giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường phát sinh trong quá trình sản xuất tại 5 nhà máy xi măng ( Lưu Xá, Cẩm Phả, Tam Điệp, Bỉm Sơn, Bút Sơn), đặc biệt là khảo sát hiện trạng môi trường của giai đoạn nghiền clinker (giai đoạn này sinh ra lượng khí thải lớn gây hiệu ứng nhà kính). Từ những số liệu khảo sát, đo đạc thu thập được, nhóm đề tài đã phân tích, đánh giá, tính toán hiệu quả kinh tế - xã hội nhờ hoạt động của các thiết bị xử lý bụi và khí thải lò nung clinker tại các nhà máy xi măng được khảo sát. Trên cơ sở đó nhóm đề tài đã đưa ra những đánh giá về hiệu quả xử lý môi trường của thiết bị đang được áp dụng cho từng loại hình công nghệ sản xuất xi măng: lò đứng và lò quay. Với kết quả nghiên cứu, đo đạc cho phép có những đánh giá thực tế về nguồn thải, cùng hiệu suất của công nghệ xử lý môi trường qua đó giúp các nhà quản lý và sản xuất lựa chọn thiết bị xử lý phù hợp cùng các chỉ tiêu kỹ thuật đối với việc đầu tư các dự án xi măng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Trong công trình nghiên cứu này, nhóm thực hiện đề tài đã đề xuất 5 nhóm giải pháp giúp cho việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong lĩnh vực sản xuất xi măng, bao gồm: Giải pháp về lựa chọn đầu tư thiết bị công nghệ; Vận hành; Quản lý; Kiểm tra giám sát môi trường; Vệ sinh an toàn phòng chống cháy nổ.

Đề tài đã đề xuất được một loạt các giải pháp mang tính tổng thể khả thi và có hiệu quả kinh tế và môi trường cao. Mặc dù những giải



pháp này không phải mới lạ, song việc áp dụng cụ thể từng giải pháp cho từng công đoạn sản xuất xi măng là công việc đòi hỏi phải có chọn lọc và suy nghĩ, nhóm đề tài đã làm được điều này bằng cách trình bày rất tỉ mỉ và cụ thể các giải pháp giúp cho các nhà quản lý và sản xuất dễ dàng áp dụng được.

Sau khi nghe các báo cáo phản biện và ý kiến đóng góp, nhận xét của các thành viên, thay mặt Hội đồng nghiệm thu, TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường, Bộ Xây dựng - Chủ tịch Hội đồng đã kết luận: Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đánh giá cao tính thời sự của đề tài là chọn mô hình lọc bụi kiểu túi hay lọc bụi tĩnh điện (EP)

để khuyến nghị cho các dự án chuẩn bị đầu tư theo quy hoạch xi măng đến năm 2025, giúp các nhà tư vấn, chủ đầu tư có thông tin cần thiết để lựa chọn được công nghệ và trang thiết bị xử lý bụi và khí thải lò nung clinker nói riêng và toàn bộ dây chuyền công nghệ nói chung (kể cả khâu khai thác và vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm) mới có thể giảm thiểu ô nhiễm môi trường một cách đồng bộ.

Các kết quả nghiên cứu của đề tài đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu và đánh giá đạt loại Xuất sắc.

Minh Tâm

## Nghiên cứu công nghệ thi công kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối ở vùng biển Việt Nam

Ngày 10/11/2010, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu kết quả nghiên cứu của đề tài: "Nghiên cứu công nghệ thi công kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối ở vùng biển Việt Nam" do TS. Phạm Văn Khoan - Viện Khoa học công nghệ xây dựng làm chủ nhiệm đề tài. TS. Trần Hữu Hà - Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường - Bộ Xây dựng đã chủ trì cuộc họp.

Thay mặt nhóm nghiên cứu, TS. Nguyễn Nam Thắng đã trình bày trước Hội đồng báo cáo tóm tắt thuyết minh đề tài. Theo đó, mục tiêu của đề tài nhằm đi sâu nghiên cứu 4 nội dung: Ảnh hưởng của môi trường biển đối với kết cấu bê tông và bê tông cốt thép (BT & BTCT); yêu cầu kỹ thuật đối với vật liệu; yêu cầu kỹ thuật đối với kết cấu BT & BTCT toàn khối; công nghệ thi công. Sản phẩm của đề tài là Dự thảo tiêu chuẩn: Hướng dẫn thi công kết cấu BT&BTCT toàn khối ở môi trường biển.

Dựa trên những kết quả nghiên cứu của các đề tài trước đây, nhóm nghiên cứu đã đánh giá tổng quát ảnh hưởng của môi trường biển đối với kết cấu BT&BTCT theo 3 vùng: vùng ngập



Toàn cảnh phiên họp của Hội đồng

nước, vùng nước lên xuống, vùng khí quyển biển; đánh giá mức độ xâm nhập ion Cl<sup>-</sup> vào bê tông, tình trạng ăn mòn sunfat, ăn mòn do Clo; đánh giá nguyên nhân gây ăn mòn công trình từ góc độ vật liệu chế tạo, thiết kế, thi công, bảo trì; so sánh các quy định trong tiêu chuẩn hiện hành về chống ăn mòn kết cấu BT & BTCT cho các công trình trong môi trường biển như TCVN 4453: 1995, TCXDVN 327: 2004 ... và các tiêu chuẩn tương đồng của nước ngoài (BS, ACI, SNIP) để kiến nghị một số sửa đổi, bổ sung.

Theo đánh giá của các phản biện và thành viên của Hội đồng, đề tài đã được nghiệm cứu

nghiêm túc, tham khảo nhiều tài liệu và vẽ nên được bức tranh tổng thể về ảnh hưởng của môi trường biển đối với kết cấu BT & BTCT ở các vùng khác nhau, với các kết quả khảo sát thực tiễn, sinh động và tin cậy. Nhóm nghiên cứu đã đưa ra được bản Dự thảo tiêu chuẩn Hướng dẫn thi công đáp ứng được yêu cầu đề ra cho đề tài. Tuy nhiên, trong báo cáo thuyết minh đề tài còn một số vấn đề cần làm rõ cơ sở khoa học, cập nhật các tiêu chuẩn viện dẫn mới nhất, bổ sung các công nghệ mới như phụ gia bê tông, sơn phủ chống thấm bê tông, đánh giá thêm về hiện tượng ăn mòn bê tông do môi trường chua phèn... Bản dự thảo tiêu chuẩn Hướng dẫn thi

công cần tập trung nhiều hơn về vấn đề thi công, chỉ dẫn các thao tác cụ thể trong thi công để người sử dụng tiêu chuẩn có thể dễ dàng áp dụng được.

Phát biểu kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng Trần Hữu Hà đã đề nghị nhóm nghiên cứu tiếp thu các ý kiến góp ý để hoàn thiện báo cáo đề tài và dự thảo tiêu chuẩn, sau khi hoàn thiện, gửi dự thảo cho 02 thành viên của Hội đồng xem lại lần cuối trước khi trình Bộ Xây dựng. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã được Hội đồng thông qua và nghiệm thu đạt loại Khá.

Minh Tuấn

## **Dự thảo Tiêu chuẩn quy hoạch quản lý chất thải rắn và Tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn**

Ngày 11/11/2010, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu 02 đề tài nghiên cứu biên soạn Tiêu chuẩn quy hoạch quản lý chất thải rắn và Tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn do Trung tâm nghiên cứu và quy hoạch môi trường đô thị - nông thôn thuộc Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị và nông thôn Bộ Xây dựng thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường - Bộ Xây dựng đã chủ trì cuộc họp của Hội đồng.

Theo báo cáo tóm tắt của nhóm thực hiện đề tài, trong những năm qua, công tác quản lý chất thải rắn (CTR) đã được Nhà nước ta đặc biệt quan tâm. Luật Bảo vệ môi trường (1994), Chiến lược quản lý CTR các đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2020 (1999), Nghị định số 59/2007/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý CTR, Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2050 ... cùng nhiều tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định, hướng dẫn liên quan đến công tác quản lý CTR đã giúp cho công tác quản lý và xử lý CTR được thực hiện một cách thống nhất, đảm bảo



*TS. Nguyễn Trung Hòa - Chủ tịch Hội đồng phát biểu kết luận cuộc họp*

các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Tuy nhiên cho đến nay, nước ta chưa có một quy định hay hướng dẫn đầy đủ và cụ thể cho công tác quy hoạch quản lý CTR, cũng như còn thiếu nhiều tiêu chuẩn, quy định, hướng dẫn công tác xử lý CTR theo các biện pháp công nghệ mới, quy hoạch hạ tầng cơ sở xử lý CTR, quy hoạch vị trí các cơ sở xử lý CTR còn nhiều yếu kém và chưa hợp lý, vì vậy, việc xây dựng tiêu chuẩn quy hoạch quản lý CTR và tiêu chuẩn quy hoạch cơ sở xử lý CTR là rất cần thiết trong thực tiễn hiện nay.

Để biên soạn Tiêu chuẩn quy hoạch quản lý CTR, nhóm đề tài đã tiến hành nghiên cứu và đánh giá thực trạng công tác quản lý CTR của nước ta ở các khía cạnh, thu gom phân loại, vận chuyển, tái chế tái sử dụng, xử lý CTR; nhận dạng những thách thức đối với công tác quản lý tổng hợp CTR ở nước ta; khảo sát công tác quy hoạch quản lý CTR của các địa phương; rà soát các quy định, tiêu chuẩn, quy phạm về quản lý CTR hiện hành...

Dự thảo Tiêu chuẩn quy hoạch quản lý CTR được biên soạn có phạm vi áp dụng được xác định dùng cho việc lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện và quản lý quy hoạch CTR cho các vùng liên tỉnh, vùng tỉnh, đô thị và khu công nghiệp, giới hạn với CTR thông thường và nguy hại phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt, dịch vụ, thương mại, xây dựng, y tế, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và không áp dụng cho quy hoạch quản lý các loại chất thải phóng xạ, chất thải từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, quốc phòng và khai khoáng.

Dự thảo Tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng cơ sở xử lý CTR dự kiến áp dụng để lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, cải tạo, xây dựng mới các công trình trong cơ sở xử lý CTR cho các vùng liên tỉnh, vùng tỉnh, đô thị và khu công nghiệp, không áp dụng đối với việc quy hoạch xây dựng cơ sở xử lý các loại chất thải phóng xạ, chất thải từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, quốc phòng và khai khoáng. Dự thảo

Tiêu chuẩn đưa ra các nguyên tắc chung khi lập quy hoạch xây dựng cơ sở xử lý CTR và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của cơ sở xử lý CTR, các phương pháp lựa chọn công nghệ xử lý CTR, bố trí tổng mặt bằng và phân khu chức năng trong cơ sở xử lý, chỉ tiêu về sử dụng đất và các chỉ tiêu khống chế về tổ chức không gian, quy hoạch kiến trúc, hệ thống hạ tầng kỹ thuật của cơ sở xử lý CTR...

Ý kiến nhận xét của các phản biện và thành viên Hội đồng nhìn chung đều đánh giá cao công sức của nhóm tác giả thực hiện đề tài, báo cáo thuyết minh và các dự thảo tiêu chuẩn đã được chuẩn bị nghiêm túc, rõ ràng, đầy đủ những nội dung cần thiết, kế thừa được các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm hiện hành; các ý kiến góp ý của hội đồng nghiệm thu cơ sở đã được nhóm tác giả tiếp thu, chỉnh sửa. Tuy vẫn còn một số lỗi cần chỉnh sửa, bổ sung nhưng về cơ bản sản phẩm của các đề tài đã đáp ứng yêu cầu đề ra.

Theo ý kiến kết luận của TS. Nguyễn Trung Hòa, Hội đồng ghi nhận và đánh giá cao các kết quả nghiên cứu của nhóm đề tài, đề nghị nhóm đề tài nhanh chóng hoàn thiện các dự thảo tiêu chuẩn dựa trên những góp ý của các thành viên Hội đồng. Cả hai đề tài đã được nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Minh Tuấn

## **Hội thảo quốc tế: Xây dựng công trình trong điều kiện đặc biệt - CEC 2010**

Ngày 29/10/2010 tại Hà Nội, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội (Trường ĐHKTHN) và Hội Kết cấu và công nghệ xây dựng Việt Nam (Hội KC & CNXDVN) đã phối hợp với Viện Khoa học ứng dụng quốc gia Toulouse - Cộng hòa Pháp tổ chức Hội thảo quốc tế với chủ đề "Xây dựng công trình trong điều kiện đặc biệt".

Tham dự Hội thảo có TS. Nguyễn Đình Toàn

- Thứ trưởng Bộ Xây dựng, GS. TSKH Nguyễn Văn Liên - Chủ tịch Hội KC & CNXDVN, TS. Đỗ Đình Đức - Hiệu trưởng Trường ĐHKTHN, GS. TS. Raoul Francois - Giám đốc nghiên cứu Viện Khoa học ứng dụng Toulouse CH Pháp cùng đại diện các cơ quan quản lý, nghiên cứu, thiết kế thuộc Bộ Xây dựng, các chuyên gia, các nhà quản lý, các doanh nghiệp xây dựng,

các chuyên gia, giảng viên của Trường ĐHKTHN, Hội KC & CNXDVN và các hội, hiệp hội chuyên ngành xây dựng, các trường đại học, các chuyên gia, các nhà khoa học nước ngoài đến từ Pháp, Nhật Bản...

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đã hoan nghênh sáng kiến tổ chức Hội thảo và đánh giá sự kiện này như một bước tiến mới trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế của Trường ĐHKTHN Hà Nội cũng như của Hội KC & CNXDVN.

Sau khi nêu bật các thách thức do thiên tai, biến đổi khí hậu và môi trường gây ra đối với hoạt động xây dựng ở nước ta, Thứ trưởng nêu lên một số vấn đề mà ngành Xây dựng đang cần tìm lời giải đáp và cũng là sự cần thiết phải trao đổi tại hội thảo, như: Ảnh hưởng và tác động của gió bão đến những công trình đặc biệt được xây dựng ven biển, các biện pháp phòng chống, trong đó có cả những công trình của dân cư vùng thường xuyên bị bão lũ; Ảnh hưởng và tác động của gió bão làm sạt lở những công trình giao thông ở vùng đồi núi, các giải pháp kỹ thuật để ngăn ngừa và phòng chống; Các giải pháp kỹ thuật đặc biệt để thi công các công trình ngầm trong điều kiện nền đất yếu ở Việt Nam; Các giải pháp kỹ thuật để xử lý vấn đề lún sụt đất khi thi công các công trình giao thông trên nền đất yếu ở Tp Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam; Các giải pháp kỹ thuật chống ăn mòn đặc biệt áp dụng cho các công trình quan trọng xây dựng ở vùng ven biển; Các giải pháp thiết kế hợp lý để giảm chi phí đầu tư xây dựng cho những kết cấu có dạng đặc biệt tại những dự án trọng điểm quốc gia; Vấn đề sử dụng vật liệu đặc biệt như bê tông mác siêu cao, thép cường độ cao trong thi công xây dựng nhà siêu cao tầng tại Việt Nam.

Theo báo cáo dẫn luận của Hội thảo, Việt Nam có những điều kiện về tài nguyên và lao động, là những yếu tố thuận lợi cho ngành Xây dựng phát triển, nhưng cũng phải đối diện với những thách thức về thiên tai: bão lũ, sự xâm

thực và lấn chiếm của nước biển, triều cường, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu,... đã và đang gây ra các tác động phức tạp đến các công trình xây dựng. Hai khu vực kinh tế lớn của Việt Nam, cũng là nơi phát triển mạnh về xây dựng đô thị, là Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long với nền đất yếu, địa chất khá phức tạp; thêm lục địa kéo dài 3200 km theo bờ biển, với điều kiện khí hậu biến đổi theo vĩ tuyến từ Bắc vào Nam; miền Trung thường xuyên bão lụt; khu vực Tây Bắc với nhiều lũ quét, sạt lở, động đất,... Những yếu tố tự nhiên đó đã gây ra những khó khăn cho công tác tư vấn thiết kế và thi công, đặc biệt là với các công trình quy mô lớn như nhà cao tầng và siêu cao tầng, công trình ngầm, thủy điện, công trình giao thông trên cao, công trình biển,...

Trong thời gian qua, do nhiều nguyên nhân khác nhau, đã có một số công trình bị xuống cấp nhanh trong quá trình khai thác sử dụng. Những sự cố công trình đã gây tổn thất nặng nề về người và của. Thực trạng trên đã và đang đặt ra các vấn đề cấp bách phải giải quyết cho các nhà khoa học và quản lý trong lĩnh vực xây dựng.

Sau phiên họp toàn thể Hội thảo đã nghe và trao đổi ý kiến đối với các báo cáo tham luận tại 6 tiểu ban với các nội dung sau:

- *Chủ đề Ứng xử của công trình trong điều kiện đặc biệt*

Các báo cáo tham luận và ý kiến thảo luận tại chủ đề này tập trung phân tích đặc điểm của sự tác động của gió bão, động đất, sóng thần, cháy (do hoả hoạn, nổ,...), nổ (do va đập bởi phương tiện vận tải hoặc thuốc nổ, sự cố kỹ thuật như nhà máy điện nguyên tử,...), ăn mòn đối với công trình xây dựng; giới thiệu các kết quả nghiên cứu ứng xử, sự phản ứng của công trình nói chung và của kết cấu nói riêng (dầm, tường chịu cắt, lõi cứng, móng được thi công bằng bê tông cốt thép, bê tông, thép,...) trước các tác động đặc biệt đó và đề xuất các phương pháp tính toán tuổi thọ công trình, thiết kế công trình và kết cấu công trình chịu các tác động

đặc biệt. Việc nghiên cứu được tiến hành bằng phương pháp thí nghiệm hoặc sử dụng các chương trình máy tính hiện đại nhằm mô hình hoá sự làm việc của kết cấu và công trình. Các công trình được nghiên cứu gồm có nhà cao tầng, nhà cao tầng có tầng hầm, công trình ngầm, cầu,...

- *Chủ đề Công nghệ xây dựng, địa kỹ thuật và sự cố trong thi công công trình đặc biệt*

Các báo cáo tham luận và ý kiến thảo luận tại chủ đề này đề cập các biện pháp gia cố nền đất yếu dưới công trình bằng chất tải, bắc thăm, gia tải chân không, sử dụng trụ xi măng đất thi công bằng thiết bị phun vữa cao áp; kinh nghiệm áp dụng công nghệ hiện đại thi công nền móng và tầng hầm nhà cao tầng tại Việt Nam như cọc khoan nhồi, cọc Barét, tường trong đất, neo trong đất, phương pháp Top-Down,... Thông qua phân tích các trường hợp đặc biệt các báo cáo nêu lên những điều cần chú ý và có ứng xử hợp lý khi khảo sát, đánh giá phục vụ xây dựng trong vùng có điều kiện địa chất đặc biệt.

Đối với các vấn đề liên quan đến sự cố công trình xây dựng các báo cáo giới thiệu kết quả khảo sát các sự cố nền móng công trình, tầng

hầm nhà cao tầng và công trình ngầm đô thị xây dựng trong điều kiện phức tạp, nêu nguyên nhân và kiến nghị biện pháp phòng chống sự cố; kết quả nghiên cứu các nguồn gây nhiễm độc và các biện pháp phòng ngừa nhiễm độc trong thi công công trình ngầm.

Ngoài hai chủ đề chính nêu trên, các báo cáo tham luận còn giới thiệu kết quả nghiên cứu, tính toán liên quan đến sự làm việc của thanh neo thép, sàn bê tông nhẹ, tích lũy biến dạng và ứng suất dư của kết cấu khung thép liên kết nửa cứng, khung thép nhẹ nhà công nghiệp và các phương pháp tính toán, thiết kế đối với kết cấu sàn nhẹ khung thép siêu tĩnh dàn-dẻo ba đường thẳng, thành bể chứa trụ đứng liên hợp thép, ứng dụng phương pháp phần tử hữu hạn tính hệ thanh có xét đến biến dạng trượt,...

Hội thảo là một diễn đàn để các nhà khoa học và các nhà quản lý trong nước và quốc tế về lĩnh vực xây dựng giao lưu, tìm hiểu, trao đổi thông tin và trình bày các ý tưởng và giải pháp có tính thực tiễn cao.

**Huỳnh Phước**

## **Thông báo Danh sách các phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được công nhận trong tháng 10/2010**

*Trong tháng 10/2010 đã có 27 phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được Bộ Xây dựng ra quyết định công nhận, bổ sung các phép thử và cho phép đi vào hoạt động.*

TT	Tên phòng thí nghiệm	Mã số	Quyết định có hiệu lực
1	Phòng TN chuyên ngành XD thuộc Cty CP XD và kiểm định Nguyễn Lê Số 396/41/2 Đường Dương Quảng Hàm - P.5, Q.Gò Vấp - Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 590	QĐ số 442/QĐ-BXD ngày 04/10/2010 có hiệu lực đến: 04/10/2013

2	Phòng TN và kiểm định công trình thuộc Cty CP V.N Mê Kông Số 643/6 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.26, Q. Bình Thạnh - Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 581	QĐ số 443/QĐ-BXD ngày 04/10/2010 có hiệu lực đến: 04/10/2013
3	Phòng TN địa kỹ thuật và VLXD thuộc Cty TNHH tư vấn Địa Chất Phẳng Số 7, đường Bàu Cát 4, P.14, Q.Tân Bình - Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 994	QĐ số 444/QĐ-BXD ngày 04/10/2010 có hiệu lực đến: 04/10/2013
4	Phòng TN và kiểm định XD thuộc Cty CP địa chất - xử lý nền móng - XD Đông Dương Số 30, đường 14, khu phố 3, P. An Bình, Q.2 - Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 989	QĐ số 445/QĐ-BXD ngày 04/10/2010 có hiệu lực đến: 05/10/2013
5	Bổ sung các phép thử cho Phòng TN các dự án giao thông và XD thuộc Chi nhánh Cty CP thương mại Hà Phan Số 8/20, đường 328, Cao Lỗ, P.4, Q.8 - Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 771	QĐ số 449/QĐ-BXD ngày 06/10/2010 có hiệu lực đến: 18/5/2012
6	Phòng TN kiểm định XD thuộc Cty TNHH tư vấn - XD An Phương Số 48 Điện Biên Phủ, P. Phước Hiệp, Thị xã Bà Rịa - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	LAS-XD 995	QĐ số 450/QĐ-BXD ngày 11/10/2010 có hiệu lực đến: 10/10/2013
7	Phòng TN & kiểm định thuộc Cty CP tư vấn XD Tổng hợp Tây Ninh Số 490 đường 30/4, Thị xã Tây Ninh - Tỉnh Tây Ninh	LAS-XD 276	QĐ số 451/QĐ-BXD ngày 11/10/2010 có hiệu lực đến: 10/10/2013
8	Trung tâm TN nền móng- địa chất- vật liệu và kiểm định công trình XD thuộc Cty CP tư vấn XD Thăng Long A021, Đường D3, P. Phước Long B, Q.9 -Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 996	QĐ số 453/QĐ-BXD ngày 12/10/2010 có hiệu lực đến: 12/10/2013
9	Trung tâm TN quản lý chất lượng XD Việt Nam thuộc Cty TNHH quản lý chất lượng XD Việt Nam Phường Thanh Trường, T p. Điện Biên, Tỉnh Điện Biên	LAS-XD 997	QĐ số 454/QĐ-BXD ngày 13/10/2010 có hiệu lực đến: 13/10/2013
10	Phòng TN vật liệu XD và kiểm định công trình thuộc Cty TNHH tư vấn XD HPT Số 05 Trương Định, T p. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	LAS-XD 583	QĐ số 456/QĐ-BXD ngày 14/10/2010 có hiệu lực đến: 14/10/2013
11	Phòng TN cơ lý đất, đá và VLXD thuộc Cty khảo sát XD Quảng Thuận K26/11, Quang Trung, T p. Đà Nẵng	LAS-XD 217	QĐ số 457/QĐ-BXD ngày 15/10/2010 có hiệu lực đến: 15/10/2013

12	Phòng kiểm định- thí nghiệm chất lượng công trình thuộc Cty CP tư vấn đ ầu tư XD giao thông Bắc Ninh Số 55, Đường Ngô Gia Tự - Khu 6 - P. Thị Cầu - Tp. Bắc Ninh	LAS-XD 998	QĐ số 458/QĐ -BXD ngày 18/10/2010 có hiệu lực đến: 18/10/2013
13	Phòng TN vật liệu và kiểm định XD thuộc Cty TNHH tư vấn và XD Nhật Nguyệt Thôn Kon Tu 2 - P. Trường Chinh, T p. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	LAS-XD 1003	QĐ số 459/QĐ -BXD ngày 18/10/2010 có hiệu lực đến: 18/10/2013
14	Phòng TN địa kỹ thuật thuộc Cty CP khảo sát – thiết kế XD Cao Bằng Số 021 Bế Văn Đàn, P. Hợp Giang, Thị xã Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng	LAS-XD 1002	QĐ số 460/QĐ -BXD ngày 18/10/2010 có hiệu lực đến: 18/10/2013
15	Trung tâm TN và kiểm định chất lượng công trình XD thuộc Cty C P tư vấn đầu tư và kiểm định XD Hà Thanh , Số 64 Lê Lợi, Thị xã Sơn Tây, Hà Nội	LAS-XD 1001	QĐ số 461/QĐ -BXD ngày 18/10/2010 có hiệu lực đến: 18/10/2013
16	Phòng TN và quản lý chất lượng thuộc Cty CP tư vấn và phát triển kỹ thuật Tài nguyên nước Số 166 đường Hải Phòng, T p. Đà Nẵng	LAS-XD 317	QĐ số 462/QĐ -BXD ngày 18/10/2010 có hiệu lực đến: 18/10/2013
17	Phòng thí nghiệm XD thuộc Cty TNHH tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định XD Thôn Hữu Thủ, Xã Kim Lo ng, H. Tam Dương - Tỉnh Vĩnh Phúc	LAS-XD 160	QĐ số 464/QĐ -BXD ngày 19/10/2010 có hiệu lực đến: 18/10/2013
18	Phòng TN cơ lý đất thuộc Cty CP t tư vấn thiết kế XD Hà Giang Tổ 13, P. Nguyễn Trãi , Tp. Hà Giang - Tỉnh Hà Giang	LAS-XD 304	QĐ số 465/QĐ -BXD ngày 19/10/2010 có hiệu lực đến: 18/10/2013
19	Phòng kỹ thuật chất lượng thuộc Cty CP xi măng Hạ Long Xã Thống Nhất, H. Hoàn Bồ - Quảng Ninh	LAS-XD 1004	QĐ số 466/QĐ -BXD ngày 20/10/2010 có hiệu lực đến: 20/10/2013
20	Phòng TN VLXD và địa kỹ thuật thuộc Cty CP tư vấn XD công trình giao thông I Tổ 75, P. Nguyễn Thái Học, Tp. Yên Bái - Tỉnh Yên Bái	LAS-XD 1007	QĐ số 467/QĐ -BXD ngày 20/10/2010 có hiệu lực đến: 20/10/2013
21	Phòng TN vật liệu và kiểm định VLXD thuộc Cty TNHH Hào Quang Quốc lộ 1A - Võ Ninh - Quảng Ninh - tỉnh Quảng Bình	LAS-XD 1000	QĐ số 468/QĐ -BXD ngày 20/10/2010 có hiệu lực đến: 20/10/2013

22	Phòng TN địa kỹ thuật và VLXD thuộc Cty CP phát triển mỏ - địa chất Miền Bắc Số 38-CL3, Khu nhà liền kề, thôn Lai Xá - Xã Kim Chung, H.Hoài Đức - Tp. Hà Nội	LAS-XD 1005	QĐ số 469/QĐ-BXD ngày 20/10/2010 có hiệu lực đến: 20/10/2013
23	Phòng TN VLXD thuộc Cty TNHH một thành viên Quản lý và XD đườ ng bộ 224 Tiểu khu 10, TT Mộc Châu, H. Mộc Châu - Tỉnh Sơn La	LAS-XD 1008	QĐ số 475/QĐ-BXD ngày 25/10/2010 có hiệu lực đến: 24/10/2013
24	Phòng TN VLXD và kiểm định công trình thuộc Cty TNHH kiểm định XD Tiến Tuấn Số 17 Phan Thành Tài, Tam Kỳ, Quảng Nam	LAS-XD 287	QĐ số 476/QĐ-BXD ngày 25/10/2010 có hiệu lực đến: 25/10/2013
25	Trung tâm TN vật liệu và kiểm tra chất lượng công trình thuộc Cty TNHH MTV tư vấn XD Lâm Phú Thành Số 19 Nguyễn Phước Nguyên, P.An Khê, Q.An Khê - Tp. Đà Nẵng	LAS-XD 1009	QĐ số 477/QĐ-BXD ngày 25/10/2010 có hiệu lực đến: 25/10/2013
26	Phòng TN VLXD Bắc Hạ Long thuộc Cty CP XD Bắc Hạ Long Tổ 61 Khu 6, P.Hà Khẩu, Tp. Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh	LAS-XD 1006	QĐ số 478/QĐ-BXD ngày 25/10/2010 có hiệu lực đến: 25/10/2013
27	Phòng TN và KĐ công trình thuộc Cty CP tư vấn và XD nền móng công trình Miền Trung 139/2 Lý Thường Kiệt, Đông Hà, Quảng Trị	LAS-XD 973	QĐ số 484/QĐ-BXD ngày 29/10/2010 có hiệu lực đến: 29/10/2013

**Huỳnh Phước**

## **Bê tông GGBS và hiệu ứng Albedo giảm ấm nóng toàn cầu**

### **Mở đầu**

Albedo của một bề mặt là chỉ số đo độ phản chiếu của bề mặt đó. Các bề mặt màu đen hấp thụ nhiệt nhiều hơn và phản xạ ánh sáng ít hơn so với các bề mặt màu sáng. Các bề mặt màu tối có chỉ số Albedo thấp hơn các mặt có màu sáng. Do đó, các bề mặt màu sáng có khả năng phản xạ ánh sáng mặt trời ra ngoài không gian và giúp làm giảm ấm nóng trái đất.

Xỉ hạt đáy lò cao (GGBS) là sản phẩm phụ của sản xuất gang xám (pig-iron). Sau khi

được sấy khô và nghiền thành bột mịn, GGBS là một chất kết dính thủy lực có thể sử dụng thay cho xi măng pooc lăng thông thường trong bê tông. GGBS có thể thay thế tới 30 - 70% xi măng trên cơ sở khối lượng bằng nhau. GGBS ở dạng bột nghiền có màu trắng. Nó nhạt hơn màu bê tông và làm tăng lượng bức xạ mặt trời phản xạ từ các bề mặt bê tông. Bởi vậy, các vật liệu lát mặt đường và mái làm bằng bê tông GGBS có thể được tận dụng để chống lại hiện tượng nóng lên của trái đất.



Việc ngăn ngừa trái đất nóng lên có thể đạt được một phần nhờ sử dụng các bề mặt sáng hơn được thể hiện thông qua sự giảm bớt lượng CO<sub>2</sub> tương đương. Lượng CO<sub>2</sub> giảm đi dễ dàng định lượng được và có thể đưa vào trong thiết kế xây dựng nhằm giảm sự tác động của môi trường xây dựng tới sự nóng lên của trái đất.

### **Phản chiếu bề mặt: Albedo**

Albedo được định nghĩa như một tỷ số phản xạ khuếch tán đối với bức xạ điện từ chiếu tới. Giá trị Albedo của bề mặt dao động từ 1, ở nơi mà 100% bức xạ tới được phản chiếu, giảm xuống tới 0, nơi mà bức xạ không được phản chiếu và tất cả bức xạ được hấp thụ như nhiệt. Khi bức xạ mặt trời được bề mặt hấp thụ, nó làm tăng nhiệt độ của vật liệu và tái phát ra như bức xạ hồng ngoại (nhiệt).

Màu của bề mặt càng sáng thì tỷ số Albedo của nó càng cao. Albedo của tuyết mới rơi xấp xỉ bằng 0,9, trong khi đó Albedo của đất đen hay asphalt nằm trong khoảng 0,05 - 0,2.

Albedo của bê tông xi măng pooc lăng thường dao động trong khoảng 0,2 - 0,4. Tuy nhiên, do có màu sáng hơn so với xi măng pooc lăng thường, mà GGBS làm tăng Albedo của bê tông tới giá trị trong khoảng 0,4 - 0,7. Bê tông GGBS có thể phản chiếu bức xạ mặt trời lớn hơn gấp 7 lần so với asphalt mới.

Giá trị Albedo của bề mặt bê tông tốt nhất thu được khi sử dụng tới 70% GGBS.

### **Giảm lượng CO<sub>2</sub> tương đương**

Các vật liệu màu sáng hơn phản chiếu bức xạ mặt trời nhiều hơn, dẫn tới phát ra lượng nhiệt ít hơn, nghĩa là làm nóng trái đất ít hơn.

Giảm nóng trái đất có thể biểu diễn bằng sự giảm phát thải CO<sub>2</sub> tương đương. Khi Albedo bề mặt tăng lên 0,01, thì lượng CO<sub>2</sub> được giảm bằng 2,55 kg/m<sup>2</sup> bề mặt. Lượng CO<sub>2</sub> tương đương giảm được so với giá trị bức xạ năng lượng mặt trời chiếu xuống trái đất trung bình bằng 172 W/m<sup>2</sup>.

Lợi ích của hiệu ứng Albedo dễ dàng tích hợp trong thiết kế bền vững, và những hiệu ứng

đó đóng vai trò đáng kể trong việc giảm chỉ số cacbon của xây dựng. Hiệu ứng Albedo có thể được tận dụng trong quá trình thiết kế nhằm biến công trình đó trở thành hiệu ứng cacbon âm trong một khoảng thời gian tương đối ngắn. Thiết kế đó góp phần làm giảm bớt nóng trái đất từ năm này qua năm khác, và có hiệu quả tích cực giảm nóng lên của trái đất.

### **Tăng Albedo của mặt đường và mái nhà**

Diện tích mặt đường và mái nhà chiếm tỷ lệ phần trăm cao của diện tích bề mặt đô thị. Đối với 3 thành phố ở Mỹ diện tích này chiếm tới 31% - 41% tổng diện tích thành phố. Có sự chênh lệch đáng kể Albedo của các vật liệu làm đường và mái nhà nói chung, nên việc lựa chọn vật liệu có ảnh hưởng lớn tới sự phát nhiệt và làm nóng khu vực. Bằng việc tiến hành lựa chọn, các kỹ sư, kiến trúc sư và các nhà quy hoạch có thể đạt được giảm đáng kể sự nóng lên của khu vực, và tính được sự giảm đó ra lượng CO<sub>2</sub> tương đương giảm được hàng năm và cho nhiều năm.

Như vậy là việc đưa Albedo vào thiết kế sẽ có ảnh hưởng đáng kể tới sự biến đổi khí hậu của bất kỳ bề mặt nào hoặc của một công trình xây dựng:

- Khi tăng chỉ số Albedo của mái nhà có thể giảm được nhiều hơn phát thải CO<sub>2</sub> hàng năm của mỗi hộ gia đình.

- Đối với một thành phố cỡ trung bình như Philadelphia (với 35% của 370 km<sup>2</sup> diện tích mặt đường), thì việc sử dụng bê tông GGBS thay cho asphalt sẽ giảm được lượng CO<sub>2</sub> tương đương bằng 17,5 triệu tấn/năm.

- Với sự tăng chỉ số Albedo của mái nhà trên toàn thế giới lên 0,25 và của mặt đường lên 0,15 thì lượng CO<sub>2</sub> phát thải tương đương giảm đi được 44 tỷ tấn. Tiết kiệm chi phí tiềm ẩn kèm theo sự biến đổi này trên cơ sở chi phí ảnh hưởng tới biến đổi khí hậu bằng 25 USD/tấn CO<sub>2</sub>, sẽ bằng 1100 tỷ USD mỗi năm.

### **Hiệu ứng đảo nhiệt**

Việc sử dụng bê tông GGBS làm mặt đường

thay cho asphalt có hiệu quả bổ sung do giảm được hiệu ứng hòn đảo nhiệt. Đảo nhiệt là hiện tượng khu vực đô thị ấm hơn so với các khu vực nông thôn. Nhiệt độ trung bình của một thành phố 1 triệu dân có thể ấm hơn 1 - 3°C so với vùng ngoại ô của nó, với sự chênh lệch tới 12°C vào ban đêm. Hiệu ứng nhiệt đó khiến cho nhu cầu lớn hơn về điều hoà không khí, làm tăng tiêu thụ năng lượng vào mùa hè và kèm theo tăng phát thải khí nhà kính và bụi, cùng với nó là những ảnh hưởng xấu tới sức khoẻ.

Tuy nhiên, bằng việc tăng Albedo của các bề mặt trong các thành phố, thì hiệu ứng hòn đảo nhiệt sẽ giảm đi, và dẫn đến tiết kiệm được chi phí đáng kể và có lợi cho sức khoẻ. Bằng việc tăng Albedo của 1250 km<sup>2</sup> mặt đường lên 0,25, thì thành phố Los Angeles có thể tiết kiệm được năng lượng làm mát tới 15 triệu USD và giảm được các chi phí liên quan tới sương khói lên tới 76 triệu USD mỗi năm. Thay đổi mặt đường asphalt sang mặt đường bê tông GGBS có thể tiết kiệm được gấp đôi con số trên.

#### **Albedo của mặt đường ban đêm**

Sử dụng mặt đường màu sáng hơn sẽ làm tăng khả năng nhìn vào ban đêm và giảm nhu cầu chiếu sáng, tiết kiệm được cả tiền bạc lẫn năng lượng. Sự chênh lệch độ phản quang giữa mặt đường asphalt và mặt đường bê tông vào ban đêm là rất rõ ràng.

Nói chung, để đạt được khả năng nhìn như nhau, thì mặt đường bê tông cần chiếu sáng ít hơn khoảng 30% so với mặt đường asphalt. Điều đó tiết kiệm được cả năng lượng lẫn chi phí cho các thiết bị chiếu sáng, cũng như tăng thêm độ an toàn của đường.

#### **Thiết kế trung hoà cacbon**

Ứng dụng hiệu ứng Albedo trong thiết kế có thể tạo ra một công trình trở thành trung hoà cacbon nghĩa là CO<sub>2</sub> được hấp thụ trong một khoảng thời gian tương đối ngắn:

- Một ngôi nhà điển hình có chỉ số hấp thụ cacbon bằng 30 tấn CO<sub>2</sub> (giảm xuống từ 40 tấn do sử dụng bê tông xi măng GGBS).

- Tăng chỉ số Albedo của 50 m<sup>2</sup> diện tích mặt đường ô tô và đi bộ lên 0,5, tiết kiệm được 3,8 tấn/năm CO<sub>2</sub> tương đương.

- Tăng chỉ số Albedo của 55 m<sup>2</sup> diện tích mái nhà lên 0,1, tiết kiệm được 0,9 tấn/năm CO<sub>2</sub> tương đương.

- Tổng lượng CO<sub>2</sub> tương đương tiết kiệm được bằng 4,7 tấn/năm.

- Sau 6,4 năm lượng CO<sub>2</sub> hấp thụ được bù đắp, và ngôi nhà trở thành hiệu ứng trung hoà cacbon. Sau đó là hiệu ứng cacbon âm.

Trong việc phủ hỗn hợp 90 ha diện tích, có 20% diện tích bề mặt đường và mái lợp, việc sử dụng 70% GGBS thay cho xi măng pooc lăng thường trong bê tông, sẽ tăng chỉ số Albedo lên 0,3, dẫn tới giảm được lượng CO<sub>2</sub> tương đương bằng 10.000 tấn/năm. Sau 60 năm sử dụng lượng CO<sub>2</sub> tương đương giảm được bằng 600.000 tấn/năm. Lượng CO<sub>2</sub> hấp thụ của mô hình như vậy được tính bằng 190.000 tấn, tức là ngôi nhà sẽ trở thành trung hoà cacbon trong vòng 20 năm.

#### **Kết luận**

Do có màu sáng hơn và phản xạ lớn hơn so với asphalt, mà bê tông GGBS phản xạ ánh nắng mặt trời lớn hơn gấp 7 lần vào không gian. Hiệu ứng này có thể giảm được phát thải CO<sub>2</sub> rất đáng kể lên tới hàng tỷ tấn mỗi năm. Ngoài ra, giảm được nhu cầu chiếu sáng nhân tạo lên tới 30%, dẫn đến giảm được nhiều hơn phát thải CO<sub>2</sub> và tiết kiệm năng lượng hơn.

Hiện nay, các chuyên gia xây dựng có thể ứng dụng hiệu ứng Albedo vào thiết kế nhằm giảm nóng lên của khu vực và toàn cầu bằng cách đưa vào qui phạm những vật liệu xây dựng có màu sáng hơn để làm đường và làm mái nhà. Hiện nay, những công trình có thể thiết kế để đạt được chỉ số cacbon trung hoà hoặc âm bằng việc sử dụng bê tông GGBS màu sáng để rải các bề mặt thay cho asphalt./.

**Đinh Bá Lô**

*Theo T/C "World Cement"*

## **Phân tích các đặc điểm trong thiết kế tiết kiệm năng lượng cho nhà ở**

### **1. Thiết kế kết cấu bảo vệ bên ngoài**

Ở Trung Quốc, hàng năm mức độ tiêu thụ năng lượng dùng cho hệ thống điều hoà làm lạnh và làm nóng trong các toà nhà chiếm khoảng từ 50% - 60%, trong số năng lượng bị tiêu hao đó, khoảng từ 20% - 50% là chịu ảnh hưởng bởi kết cấu truyền nhiệt từ bên ngoài, mà kết cấu tường ngoài là chiếm tỷ lệ lớn nhất, vì vậy, lựa chọn kết cấu tường ngoài hợp lý, đảm bảo tường có tính cách nhiệt tốt là một khâu khá quan trọng trong quá trình thiết kế.

Hiện nay, những vật liệu trong suốt, đang được các nhà thiết kế sử dụng ngày một nhiều vào trong các công trình hiện đại, nhất là vật liệu kính, người ta sử dụng kính thay cho tường gạch, xu hướng mở rộng diện tích cho cửa sổ cũng được các nhà thiết kế quan tâm và đưa vào trong bản vẽ xây dựng. Mặc dù, với phong cách mới sẽ giúp cho ngành xây dựng phát triển theo hướng hiện đại, nhưng giữa việc sử dụng vật liệu và vấn đề tiết kiệm năng lượng lại nảy sinh mâu thuẫn lớn, nên khi thiết kế, nhà thiết kế cần suy xét kỹ lưỡng và đặc biệt chú ý tới vấn đề này. Hiện nay, để thiết kế tường kính vừa đảm bảo tính thẩm mỹ lại vừa tiết kiệm năng lượng, người ta thường có xu hướng sử dụng vật liệu kính có tính năng tiết kiệm năng lượng hay sử dụng rèm che giữ nhiệt.

### **2. Thiết kế hệ số hình dáng công trình**

Hệ số hình dáng lớn hoặc nhỏ có ảnh hưởng trực tiếp tới tính năng tiết kiệm năng lượng của công trình. Từ góc độ của việc giảm mức tiêu thụ năng lượng trong xây dựng cho thấy, cần kiểm soát hệ số hình dáng ở mức thấp nhất. Nhưng nếu hệ số hình dáng quá nhỏ, sẽ hạn chế tính sáng tạo của kiến trúc sư, làm cho mô hình kiến trúc trở nên cứng nhắc, ảnh hưởng tới tính năng của vật kiến trúc. Nên khi đưa ra quyết định về kết cấu bảo vệ bên ngoài và không gian xây dựng, thông qua hình dáng mặt

phẳng khác nhau mà sự lựa chọn và thay đổi độ dài, cao, rộng khác nhau, từ đó có thể đáp ứng nhu cầu tính năng của công trình kiến trúc, đảm bảo sự phù hợp trong thiết kế hệ số hình dáng.

### **3. Tận dụng triệt để năng lượng mặt trời**

Trong thiết kế xây dựng nhà ở, chỉ có tận dụng triệt để nguồn năng lượng mặt trời, mới có thể tiết kiệm năng lượng ở mức cao nhất. So với nguồn năng lượng truyền thống vẫn dùng trước đây, năng lượng mặt trời là nguồn năng lượng sạch, có thể tái sử dụng nguồn năng lượng này, đặc biệt còn mang lại hiệu quả sử dụng cao trong xây dựng. Tận dụng ánh sáng và nhiệt năng lượng mặt trời, giá thành không cao, nhưng mang lại hiệu quả lợi ích tiết kiệm, đồng thời còn có thể giảm ô nhiễm môi trường do điện lực tạo ra. Hiện nay hệ thống nước nóng được tạo ra từ nguồn năng lượng mặt trời đã được ứng dụng trong các công trình nhà ở, rất nhiều loại sản phẩm mới cũng được tung ra thị trường, cùng với đó việc sử dụng nước nóng từ nguồn năng lượng mặt trời cũng được ứng dụng rộng rãi hơn.

Khi thiết kế hệ thống nước nóng từ nguồn năng lượng mặt trời, cần phải xem xét và tổng hợp đánh giá điều kiện, tính năng của vật kiến trúc và môi trường xung quanh, từ đó mới đưa ra một mô đun thiết kế phù hợp. Cần kết hợp với điều kiện cụ thể tại địa điểm xây dựng, phải đáp ứng với yêu cầu kỹ thuật về thiết kế và lắp đặt hệ thống nước nóng từ nguồn năng lượng mặt trời, như khả năng chịu tải, phương thức lắp đặt, chống rò rỉ, thoát nước, đường ống... từ đó mới đưa ra quyết định về bố cục xây dựng, phương hướng, không gian, tổ hợp quần thể và không gian môi trường. Thiết bị thu năng lượng mặt trời thường được lắp đặt trên mái của vật kiến trúc, ban công, dưới mái lợp hoặc trên các bộ phận khác của vật kiến trúc, nhưng không được làm ảnh hưởng tới các bộ phận chức năng

của vật kiến trúc, khi thiết kế lắp thiết bị thu năng lượng mặt trời phải thống nhất và hài hoà với kiến trúc.

#### 4. Các chi tiết khác

Ngoài 3 vấn đề đã nêu ở trên, kỹ sư thiết kế còn phải xem xét các chi tiết như việc lựa chọn phương hướng xây dựng, hệ số diện tích bề mặt, tỉ lệ dài rộng của vật kiến trúc, số lượng cửa bố trí trên tường... Tác giả bài viết muốn nhấn mạnh một điều là phải thận trọng khi lắp đặt cửa sổ, bởi loại cửa này có diện tích kính khá lớn, nên người ta thường dùng profile nhôm có cấu trúc cách nhiệt kết hợp với hộp kính để thi công, nếu thi công không tốt sẽ làm nhiệt độ trong phòng mất đi, nếu thi công tốt nó có khả năng bức xạ, giữ nhiệt độ trong phòng ổn định.

#### 5. Tiết kiệm năng lượng cho nhà ở

Nhà ở có sử dụng mô hình tiết kiệm năng lượng có nhiều ưu điểm hơn hẳn so với loại nhà ở truyền thống, vì nó đạt hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên từ tự nhiên, giảm mức tiêu thụ năng lượng, giảm ô nhiễm môi trường, chức

năng sử dụng trong các toà nhà được nâng cao, không gian sống và làm việc thoải mái hơn.

#### 6. Kết luận

Khi thiết kế hệ thống tiết kiệm năng lượng cho nhà ở, yêu cầu hệ thống tiết kiệm năng lượng ấy phải được thực hiện một cách toàn diện và có tính hệ thống thì mới đạt hiệu quả tiết kiệm năng lượng, nếu chỉ thực hiện đơn lẻ, không có tính hệ thống sẽ làm hạn chế về mặt hiệu quả. Cần thiết lập một khái niệm về tuổi thọ nhà ở, tổng hợp và xem xét khái niệm ấy, xem xét các khâu quy hoạch, thiết kế, thi công, bảo trì hoạt động và tháo dỡ, làm sao để hệ thống tiết kiệm năng lượng phát huy hiệu quả ở mức cao nhất, có thể tiết kiệm năng lượng cho cả toà nhà./.

**Mã Ngọc Linh**

*Nguồn: T/C Xây dựng Trung Quốc số 12/2010*

**ND: Bích Ngọc**

## Tin Xây dựng quốc tế qua mạng Internet

### Ảnh hưởng của thành phần cấp phối đến tính linh hoạt và cường độ của vữa polyme vô cơ gốc tro bay

*Tác giả: Hwai-Chung Wu và Peijiang Sun  
Tạp chí VLXD số 6, tháng 11/2010 - Hiệp hội Bê tông Mỹ (ACI)*

#### Tóm tắt:

Trong công trình nghiên cứu này các tác giả đã tiến hành khảo sát các ảnh hưởng của thành phần cấp phối đến tính linh hoạt và cường độ chịu nén của vữa polyme vô cơ gốc tro bay. Cụ thể, vai trò của các tỷ lệ phối trộn được kiểm tra rất cẩn trọng để nghiên cứu các cơ chế polime hóa. Các thành phần của cấp phối bao gồm tro bay (FA), mêtacacolat (Meta), natri hidroxít (NaOH), silica fume (SF), nước và cát. Các tác giả đã nghiên cứu các hỗn hợp có tỷ lệ phối trộn

Meta/FA từ 0 đến 30%, NaOH/(FA+Meta) từ 0 đến 12,5%, và SF/(FA+Meta) từ 0 đến 12,5%. Tỷ lệ cát/(FA+Meta) và nước/(FA+Meta) được cố định cho tất cả các mẻ trộn tương ứng bằng 1,2 và 0,3. Độ sụt và tuổi đóng khuôn của từng mẫu được đo đạc, cường độ chịu nén của các mẫu trụ được đo ở các tuổi 1 ngày, 7 ngày, 28 ngày và 90 ngày. Các kết quả thí nghiệm được trình bày và được thảo luận về những phản ứng trùng hợp (polime hóa) dựa trên quá trình sol-gel hóa học (Sol-gel là một quá trình các phản ứng hoá học bắt đầu đi từ dung dịch đến sản phẩm cuối cùng ở trạng thái rắn. Từ những kết quả nghiên cứu, các tác giả chỉ ra rằng, việc lựa chọn các thành phần cấp phối phù hợp có ảnh hưởng quyết định đến sự phát triển cường độ của vữa, đồng thời các tác giả cũng đưa ra những hướng dẫn lựa chọn tối ưu các thành

phần cấp phối, được rút ra từ việc mô hình hóa quá trình sol-gel hóa học.

<http://www.org.vn>

### **Quá trình thép bị ăn mòn trong bê tông trong suốt thời gian sử dụng**

*Tác giả: Yingshu Yuan, Jianhua Jiang*

*Tạp chí VLXD số 6, tháng 11/2010 - Hiệp hội Bê tông Mỹ (ACI)*

#### **Tóm tắt:**

Trong nghiên cứu này, các tác giả tiến hành đo mật độ ăn mòn hiện tại của thép thanh trong bê tông ở thời điểm quá trình ăn mòn đang diễn ra trong điều kiện môi trường và bị xâm thực clo. Qua nghiên cứu quá trình ăn mòn cho thấy tốc độ ăn mòn biến thiên theo thời gian, và chia thành 4 giai đoạn. Trong nghiên cứu này, các tác giả cũng tiến hành nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ nước/xi măng đối với sự thay đổi về mật độ ăn mòn hiện tại, và chỉ ra rằng tỷ lệ N/X có ảnh hưởng rõ ràng đến hiện tượng ăn mòn và nứt của bê tông biến đổi theo thời gian. Cơ chế phân tích các đặc tính biến đổi theo thời gian được tiến hành dựa trên cấu trúc vi mô của vùng tiếp giáp (ITZ) giữa cốt thép và bê tông ở các lớp ăn mòn khác nhau. Sự phát triển của lớp ăn mòn và nứt do ăn mòn là các tác nhân chính ảnh hưởng đến quá trình ăn mòn. Cuối cùng, các tác giả đã xây dựng một mô hình phụ thuộc thời gian của sự biến thiên tốc độ ăn mòn và mô hình về tổn thất ăn mòn tích lũy tương ứng.

<http://www.concrete.org>

### **Sự phát triển theo thời gian của hiện tượng xâm thực chloride trong bê tông xi măng hỗn hợp**

*Tác giả: Yury A. Villagran-Zaccardi, Valeria L. Taus và Angel A. Di Maio*

*Tạp chí VLXD số 6, tháng 11/2010 - Hiệp hội bê tông Mỹ*

#### **Tóm tắt:**

Bê tông xi măng hỗn hợp là sản phẩm cần thiết nhằm làm giảm tác động của công nghiệp xây dựng đối với môi trường. Hàm lượng clinker thấp hơn có thể ảnh hưởng đến một số đặc tính của bê tông, chẳng hạn như khả năng chống xâm thực chloride. Mặt khác những phụ gia khoáng có thể hoạt hóa để nâng cao khả năng làm việc của bê tông. Trong bài viết này, các tác giả giới thiệu các kết quả nghiên cứu về sự xâm thực chloride trong các mẫu bê tông được chế tạo bằng xi măng pooc-lăng hỗn hợp chứa vôi và xỉ được đặt trong môi trường biển. Các thông số thí nghiệm bao gồm 2 tỷ lệ nước/xi măng, 3 biện pháp dưỡng hộ và 2 cỡ hạt cốt liệu thô tối đa được phân tích. Việc nghiên cứu hiện tượng thấm và xâm thực chloride được thực hiện trong 3 năm. Các kết quả thể hiện sự phát triển theo thời gian đối với cả hàm lượng chloride ở bề mặt tiếp xúc môi trường và khuếch tán của bê tông xi măng pooc-lăng hỗn hợp được đánh giá theo các cơ chế tự nhiên.

<http://www.concrete.org>

*Biên tập tin: Quỳnh Anh*

## **Hội nghị tổng kết cuộc vận động "Đảm bảo và nâng cao chất lượng công trình, sản phẩm xây dựng" giai đoạn 2006 - 2010**

Ngày 12/11/2010, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng và Công đoàn Xây dựng Việt Nam đã phối hợp tổ chức Hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện Cuộc vận động "Đảm bảo và nâng cao chất lượng công trình, sản phẩm xây dựng" giai đoạn 2006-2010. Tham dự Hội nghị có ông Mai Đức Chính - Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (LĐVN), Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh - Trưởng ban Chỉ đạo Cuộc vận động, Thứ trưởng Cao Lại Quang, Nguyễn Trần Nam, Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Nguyễn Văn Bình, Chủ tịch Tổng hội xây dựng Việt Nam Trần Ngọc Hùng; đại diện các Bộ ngành Trung ương; các Sở Xây dựng địa phương; các chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng thuộc các thành phần kinh tế có công trình, sản phẩm xây dựng được giải thưởng Huy chương vàng, Bằng khen và Cờ chất lượng cao.

Thay mặt Ban Chỉ đạo Cuộc vận động, ông Lê Quang Hùng - Cục trưởng Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, Thường trực Ban chỉ đạo đã trình bày báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Cuộc vận động "Đảm bảo và nâng cao chất lượng công trình, sản phẩm xây dựng" giai đoạn 2006-2010.

Cuộc vận động "Đảm bảo và nâng cao chất lượng công trình, sản phẩm xây dựng" do Bộ Xây dựng và Công đoàn Xây dựng Việt Nam phát động và tổ chức từ năm 1990. Qua 20 năm triển khai, Cuộc vận động đã thực sự đi vào cuộc sống, thu hút được hơn 60 vạn lượt công nhân, viên chức lao động làm việc trong 887 doanh nghiệp xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí xây dựng thuộc các thành phần kinh tế, các lĩnh vực khác nhau, tạo nên những sản phẩm, công trình có chất lượng tốt, góp phần to lớn cho công cuộc xây dựng và kiến thiết đất nước trong thời kỳ đổi mới.



*Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh - Trưởng ban chỉ đạo thực hiện Cuộc vận động (người ngồi giữa) chủ trì Hội nghị*

Theo Báo cáo của Ban chỉ đạo Cuộc vận động, trong 5 năm qua, Cuộc vận động tiếp tục được duy trì và phát triển ở nhiều doanh nghiệp xây dựng, được sự hưởng ứng, cổ vũ của dư luận xã hội. Nhiều doanh nghiệp đã quan tâm và nhận thức được tầm quan trọng của công tác đảm bảo chất lượng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, vì những lợi ích lâu dài mà Cuộc vận động đem lại giúp cho doanh nghiệp đổi mới công tác quản lý theo hướng chuyên nghiệp, tăng khả năng cạnh tranh, nâng cao uy tín thương hiệu của doanh nghiệp trên thị trường. Cuộc vận động không chỉ khuyến khích nâng cao tay nghề cho người thợ xây dựng mà còn làm thay đổi nhận thức của người thợ, của doanh nghiệp là phải làm tốt công việc mình đảm nhận, làm tốt ngay từ đầu và trong cả quá trình để tạo ra sản phẩm cuối cùng đạt chất lượng cao. Thông qua Cuộc vận động cũng đã xuất hiện nhiều doanh nghiệp đạt chuẩn về mô hình quản lý chất lượng theo ISO 9001: 2008. Hệ thống đảm bảo chất lượng của các doanh nghiệp cũng được nâng lên đáng kể.

Tổng kết giai đoạn 2006-2010 thực hiện Cuộc vận động, đã có 264 công trình, 17 sản



*Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn LĐVN Mai Đức Chính phát biểu tại Hội nghị*

phẩm xây dựng được xét trao Huy chương vàng chất lượng cao, 22 công trình, sản phẩm được trao Cờ đảm bảo chất lượng, 252 tập thể và cá nhân được tặng Bằng khen. Năm 2010 là năm cuối của kế hoạch 5 năm thực hiện Cuộc vận động và cũng là năm thứ 20 của Cuộc vận động, Bộ Xây dựng đã phối hợp với các Bộ, ngành chỉ đạo tổ chức bình chọn Giải thưởng "Cúp vàng chất lượng xây dựng Việt Nam 2010" nhằm tôn vinh các thương hiệu tiêu biểu về chất lượng xây dựng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đối tượng của Giải thưởng là các công trình xây dựng tiêu biểu được nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2000 đến 2010. Thông qua Giải thưởng này sẽ khuyến khích, động viên các chủ đầu tư, nhà thầu tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng công trình, tạo tiền đề để hình thành một giải thưởng quốc gia có tính truyền thống về chất lượng xây dựng.

Tại Hội nghị, 6 đơn vị có thành tích tiêu biểu đã trình bày tham luận về việc triển khai thực hiện Cuộc vận động tại cơ quan, đơn vị của mình và những kinh nghiệm rút ra trong quá trình thực hiện Cuộc vận động những năm vừa qua. Nhìn chung các tham luận đều khẳng định và đánh giá Cuộc vận động "Đảm bảo và nâng cao chất lượng công trình, sản phẩm xây dựng" do Bộ Xây dựng và Công đoàn Xây dựng Việt Nam phát động rất có ý nghĩa thiết thực đối với các đơn vị, góp phần giúp đơn vị đổi mới công



*Thủ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang và Chủ tịch CEXĐVN Nguyễn Văn Bình trao Cờ chất lượng cao cho các đơn vị có thành tích xuất sắc*

tác quản trị, đổi mới công nghệ, xây dựng văn hóa chất lượng trong doanh nghiệp, nâng cao uy tín, thương hiệu trên thị trường, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, các kết quả thu được từ Cuộc vận động đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Phát biểu tại Hội nghị, Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn LĐVN cũng đánh giá cao các kết quả của Cuộc vận động và khẳng định Tổng Liên đoàn LĐVN ủng hộ và sẽ phối hợp với Bộ Xây dựng và Công đoàn Xây dựng Việt Nam tiếp tục phát động thực hiện Cuộc vận động trong thời gian tới và nâng lên ở tầm quốc gia, xây dựng chương trình tuyên truyền, quảng bá để thu hút ngày càng nhiều các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trên cả nước tham gia, tôn vinh các công trình đảm bảo chất lượng, các đơn vị làm tốt công tác đảm bảo chất lượng, gắn chất lượng công trình với uy tín và thương hiệu của các doanh nghiệp.

Tại Hội nghị tổng kết, Ban Chỉ đạo Cuộc vận động đã công bố các quyết định trao tặng Huy chương vàng chất lượng cho các công trình chất lượng cao, Cờ đảm bảo chất lượng công trình và Bằng khen cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác đảm bảo chất lượng công trình, sản phẩm xây dựng giai đoạn 2006-2010.

**Minh Tuấn**

## **Lễ trao Giải thưởng “Cúp vàng chất lượng xây dựng Việt Nam” năm 2010**

Sáng ngày 13/11/2010 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Bộ Công thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tổ chức Lễ trao Giải thưởng “Cúp vàng chất lượng xây dựng Việt Nam” năm 2010. Tham dự buổi Lễ có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân, Phó Chủ tịch UBND Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Hà Văn Núi, đại diện các Bộ ngành Trung ương, các địa phương, các chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng trong nước và nước ngoài, các đơn vị, cá nhân được nhận Giải thưởng. Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Thiện Nhân đã đến dự và phát biểu tại buổi Lễ.

Phát biểu khai mạc buổi Lễ, ông Bùi Phạm Khánh - Thứ trưởng Bộ Xây dựng nhấn mạnh, chất lượng công trình xây dựng có ý nghĩa to lớn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, khẳng định sự đóng góp của ngành Xây dựng trong công cuộc phát triển đất nước. “Cúp vàng chất lượng xây dựng Việt Nam” năm 2010 mang tính quốc gia, lần đầu tiên được trao cho các công trình xây dựng đạt chất lượng cao, là hoạt động được tổ chức với sự phối hợp của các Bộ: Xây dựng, Công thương, Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Để có những công trình chất lượng cao được tôn vinh trong buổi Lễ, Bộ Xây dựng đã thành lập Hội đồng thẩm định với sự có mặt của các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà quản lý, đại diện các bộ, ngành. Hội đồng đã xây dựng Quy chế làm việc và Hệ thống tiêu chí tuyển chọn, công tâm chọn ra những công trình có chất lượng tốt nhất trong số các công trình đăng ký tham dự.

Từ hàng trăm hồ sơ của các công trình thuộc lĩnh vực xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật,



*Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân phát biểu tại buổi Lễ*

Hội đồng đã lựa chọn và vinh danh 65 công trình tiêu biểu đạt chất lượng cao. Sự vinh danh các công trình xây dựng chất lượng cao thực chất là sự ghi nhận và tôn vinh của xã hội đối với các nhà đầu tư, nhà thầu tư vấn thiết kế, thi công, giám sát và người lao động đã cống hiến hết tài năng, công sức, trí tuệ để làm ra các sản phẩm có "chất lượng vàng". Con số 65 công trình được trao Cúp vàng chất lượng xây dựng lần này chưa thể nói hết về các công trình xây dựng đạt chất lượng cao trên cả nước, song có thể khẳng định chắc chắn rằng chất lượng công trình xây dựng đã góp phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Thiện Nhân và Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân đã trao Cúp cho 65 đơn vị có công trình tiêu biểu đạt chất lượng vàng Xây dựng Việt Nam. Phát biểu tại buổi Lễ, Phó Thủ tướng đã biểu dương những đóng góp quý báu của tập thể lãnh đạo, kiến trúc sư, kỹ sư, công nhân viên chức và người lao động- những người đã và đang miệt mài đóng góp công sức và trí tuệ của mình trên những công trường xây dựng vì sự phát triển và phồn vinh đất nước. Phó Thủ tướng chỉ đạo các bộ liên quan phối hợp với Bộ Xây dựng lập Đề án Giải thưởng Cúp vàng chất





Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân trao Cúp vàng chất lượng xây dựng Việt Nam 2010 cho các đơn vị có công trình đạt chất lượng cao



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân trao Cúp vàng chất lượng xây dựng Việt Nam 2010 cho các đơn vị có công trình đạt chất lượng cao

lượng xây dựng Việt Nam được trao hàng năm trong 10 năm tới.

Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân phát biểu nhấn mạnh, để xây dựng và phát triển đất nước đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới, việc chú trọng và không ngừng nâng cao chất lượng các công trình và sản phẩm xây dựng là nhiệm vụ mang tính tất yếu, thường xuyên và xuyên suốt. Phát huy những thành quả đạt được của cuộc vận động trong suốt 20 năm qua, chúng ta cần tiếp tục nỗ lực phấn đấu nhiều hơn nữa, đẩy mạnh và phát triển sâu rộng hơn ý nghĩa của cuộc vận động, quán triệt sâu sắc vai trò của chất lượng các công trình xây dựng đối với sự phát triển bền vững của toàn xã hội, chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ quản

lý, xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ nhân lực có đủ trình độ và phẩm chất để làm chủ những tiến bộ khoa học công nghệ, tạo sự chuyển biến vững chắc và động bộ trong quản lý nhà nước cũng như thực tiễn đầu tư, quản lý xây dựng công trình, nâng cao giá trị và hiệu quả nguồn vốn đầu tư của toàn xã hội.

Nhân dịp này, Ban tổ chức cuộc vận động “Cúp vàng chất lượng Xây dựng Việt Nam” đã trao 150 triệu đồng cho Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để ủng hộ đồng bào miền Trung khắc phục hậu quả lũ lụt.

Minh Tuấn

## Họp báo về Hội thảo quốc tế "Phát triển nhà ở và thị trường bất động sản - kinh nghiệm thế giới và lựa chọn cho Việt Nam"

Sáng ngày 9/11/2010 tại Hà Nội, Ban chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản (BĐS) đã tổ chức họp báo giới thiệu về Hội thảo quốc tế "Phát triển nhà ở và thị trường bất động sản - kinh nghiệm thế giới và lựa chọn cho Việt Nam" sẽ diễn ra trong các ngày 26 - 27/11/2010 tại Trung tâm Hội nghị quốc gia, Hà Nội. Thứ trưởng Bộ Xây dựng

Nguyễn Trần Nam - Thành viên Ban chỉ đạo TU về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản - Chủ tịch Hiệp hội BĐS Việt Nam đã chủ trì buổi họp báo.

Phát biểu tại buổi họp báo, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cho biết, Hội thảo quốc tế "Phát triển nhà ở và thị trường bất động sản - kinh nghiệm thế giới và lựa chọn cho Việt Nam"

với chủ đề "Phát triển đô thị bền vững từ góc độ thị trường BĐS châu Á" do Bộ Xây dựng, Bộ Công thương và Diễn đàn ngành Xây dựng châu Á phối hợp tổ chức dưới sự chủ trì của Ban chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường BĐS là Hội thảo có quy mô lớn, với sự tham dự của hơn 1500 đại biểu trong nước và nước ngoài liên quan đến lĩnh vực nhà ở và kinh doanh BĐS, trong đó có sự tham gia của các diễn giả quốc tế đến từ Hồng Kông, Trung Quốc, Malaysia, Singapore, Úc, Hàn Quốc, Nhật Bản. Hội thảo tập trung vào những vấn đề như: Khủng hoảng tài chính thế giới và kinh nghiệm sử dụng vốn ngân sách, vốn ODA, vốn vay và vốn huy động thương mại đối với lĩnh vực BĐS; Quy hoạch đô thị và tạo lập quỹ đất; Công tác dự báo để phát triển thị trường BĐS và đô thị bền vững; Các giải pháp quản lý nhà nước nhằm kiểm soát và điều tiết giá cả trên thị trường BĐS...

Trong thời gian diễn ra Hội thảo sẽ diễn ra Triển lãm BĐS quốc tế 2010 (International Real Estate Expo 2010) tại Trung tâm Hội nghị quốc gia, Hà Nội, với mục đích thu hút đầu tư và quảng bá sự phát triển của lĩnh vực BĐS Việt Nam với bạn bè quốc tế. Triển lãm có trên 100 gian hàng giới thiệu tiềm năng và thành tựu phát triển công nghệ, kỹ thuật, các sản phẩm vật liệu xây dựng mới và các dự án đầu tư xây dựng nhà ở và nhà văn phòng, hoạt động kinh doanh BĐS của các địa phương, tập đoàn kinh tế, các tổng công ty, công ty xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng, trang trí nội ngoại thất, phát triển BĐS và dịch vụ BĐS trong và ngoài nước.

Theo Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam, thị trường BĐS Việt Nam tuy mới hình thành nhưng thời gian vừa qua đã có đóng góp đáng kể và ngày càng tăng trong sự tăng trưởng chung của nền kinh tế nước ta. Trong 10 năm 1999 - 2009, quỹ nhà ở đô thị và nông thôn nước ta đã tăng lên gấp đôi, đạt trên 1,4 tỷ m<sup>2</sup>, bình quân diện tích nhà ở của nước ta hiện nay



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam chủ trì buổi Họp báo

đạt 17,6m<sup>2</sup>/người, tốc độ phát triển nhà ở mỗi năm tăng thêm từ 50 -70 triệu m<sup>2</sup>, các BĐS khác như nhà văn phòng, thương mại, khách sạn, du lịch nghỉ dưỡng, khu công nghiệp... cũng ngày càng phát triển và mang phong cách hiện đại, nhiều công trình đạt đẳng cấp quốc tế... đã đáp ứng được nhu cầu của người dân, của xã hội và nền kinh tế. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được, trong lĩnh vực nhà ở và thị trường BĐS nước ta cũng còn có những yếu kém, những vấn đề cần điều chỉnh, khắc phục, như: nhận thức về vị trí, vai trò của thị trường BĐS trong nền kinh tế thị trường của các cấp lãnh đạo cũng như người dân chưa đầy đủ; Khung pháp lý cho hoạt động của thị trường BĐS đã tương đối phủ kín nhưng còn nhiều quy định chưa hợp lý, chưa rõ ràng, khó thực hiện, các định chế tài chính để tạo nguồn vốn cho thị trường BĐS hầu như chưa có; Tính minh bạch của thị trường BĐS còn nhiều hạn chế, giữa các loại hình doanh nghiệp chưa được đối xử bình đẳng; Giá nhà ở, giá bất động sản nước ta khá cao so với thế giới và so với mặt bằng thu nhập của người dân; Cơ chế đền bù, giải phóng mặt bằng còn nhiều phức tạp, thời gian thực hiện kéo dài; Hạ tầng giao thông kém dẫn đến đầu tư BĐS rất tập trung - làm tắc

ngheñ cho hoạt động đầu tư BĐS; Thị trường BĐS còn mang tính tự phát, phát triển nóng, chưa có định hướng trong dài hạn; công tác thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản của các cơ quan quản lý còn nhiều hạn chế, chế tài xử phạt chưa thích đáng.

Theo Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam, Hội thảo này cũng là một trong những cách thức để chúng ta từng bước giải quyết những hạn chế của thị trường BĐS Việt Nam. Thông qua Hội thảo này, các cơ quan quản lý nhà nước, chính

quyền các địa phương, các doanh nghiệp phát triển và kinh doanh BĐS nước ta sẽ có cơ hội học hỏi, trao đổi và tiếp thu những kinh nghiệm trong lĩnh vực phát triển và kinh doanh bất động sản của quốc tế, nhất là các nước trong khu vực, nhằm từng bước khắc phục những hạn chế và xây dựng thị trường BĐS Việt Nam ngày càng chuyên nghiệp, minh bạch và phát triển bền vững.

Minh Tuấn

## **Hội thảo giới thiệu chính sách và tham vấn triển khai dự án CDM theo Chương trình PoA-CDM trong sản xuất gạch không nung tại Việt Nam**

Ngày 10/11/2010 tại Hà Nội, Hội Vật liệu Xây dựng Việt Nam và Công ty Tư vấn đầu tư Intraco đã phối hợp tổ chức Hội thảo giới thiệu chính sách và tham vấn triển khai dự án CDM theo Chương trình PoA-CDM trong sản xuất gạch không nung tại Việt Nam.

Tham dự Hội thảo có ông Thái Duy Sâm - Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội VLXD Việt Nam, ông Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường Bộ Xây dựng, ông Hoàng Anh Dũng - Giám đốc Công ty Intraco, Bà Suzanne Chew - Giám đốc kinh doanh CDM Đông Nam Á - Tập đoàn Tài chính TFS, Vương Quốc Anh, ông Manfred Lottig đến từ TUV Rheinland Malaysia/Singapore - tổ chức thẩm định được Liên hợp quốc công nhận, và các đại diện của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, các sở khoa học công nghệ địa phương, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây không nung, các viện nghiên cứu và nhiều chuyên gia trong nước và nước ngoài. TS. Thái Duy Sâm đã phát biểu khai mạc và chủ trì Hội thảo.



*TS. Thái Duy Sâm phát biểu khai mạc Hội thảo*

Theo TS. Thái Duy Sâm, sử dụng vật liệu xây không nung (VLXKN) thay thế gạch đất sét nung hiện đang là xu hướng và là nhu cầu cấp thiết ở nước ta nhằm tiết kiệm tài nguyên đất, năng lượng, giảm phát thải CO<sub>2</sub>, góp phần đảm bảo an ninh lương thực, an ninh năng lượng và bảo vệ môi trường. Để đẩy mạnh phát triển VLXKN, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28/4/2010 phê duyệt Chương trình phát triển VLXKN đến năm 2020, trong đó xác định rõ quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển VLXKN, các giải pháp khuyến khích phát triển VLXKN thông qua các cơ chế chính sách ưu đãi về tiền thuê

đất, tiền sử dụng đất, thuế, hỗ trợ chuyển giao công nghệ ...

Theo tham luận của đại diện Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Hội thảo, Việt Nam đã tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu và Nghị định thư Kyoto về giảm phát thải khí nhà kính. Tuy nước ta chưa có nghĩa vụ phải cắt giảm phát thải khí nhà kính nhưng phải thực hiện một số nghĩa vụ chung như: Thông báo quốc gia; Kiểm kê quốc gia khí nhà kính; Xây dựng và đánh giá các phương án giảm nhẹ khí nhà kính; Biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu... Ở Việt Nam, cơ quan đầu mối trong nước về Cơ chế phát triển sạch (CDM) là Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Theo các quy định hiện hành của Việt Nam, các dự án CDM tại Việt Nam phải đáp ứng một số yêu cầu như: trên cơ sở tự nguyện; giảm phát thải khí nhà kính; phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Trung ương, ngành, địa phương; góp phần bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội bền vững; khả thi với công nghệ tiên tiến và có nguồn tài chính phù hợp; lượng giảm phát thải là có thực, được tính toán và kiểm tra trực tiếp hoặc gián tiếp và có kế hoạch kiểm tra, giám sát cụ thể; không sử dụng kinh phí từ nguồn ODA để thu được các Chứng nhận giảm phát thải (CERs) chuyển cho bên đầu tư dự án CDM từ nước ngoài; có báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; được sự ủng hộ của các bên liên quan; được nước chủ nhà phê duyệt; thực hiện đăng ký với Ban chấp hành quốc tế về CDM và được Ban này chấp thuận; không làm phát sinh bất kỳ trách nhiệm mới nào cho Chính phủ Việt Nam so với nội dung đã được quy định trong Nghị định thư Kyoto.

Cho đến 30/10/2010, Ban chấp hành quốc tế về CDM đã công nhận 36 dự án CDM của Việt Nam (lượng giảm khí nhà kính vào khoảng 13,8 triệu tấn CO<sub>2</sub>), 2 dự án được cấp CERs.

Thuyết trình về lợi ích kinh tế từ CDM của các dự án sản xuất gạch không nung, ông



*Toàn cảnh Hội nghị*

Ywert Visser - chuyên gia CDM của Công ty Intraco đã so sánh, một nhà máy sản xuất gạch nung theo phương pháp truyền thống công suất 35 triệu viên/năm sẽ tiêu thụ khoảng 7.000 tấn than/năm và phát thải khoảng 14.000 tấn CO<sub>2</sub>/năm, trong khi nhà máy sản xuất gạch không nung (2,6kg/viên) có cùng công suất, sử dụng 10% xi măng và tiêu thụ 500MWh điện mỗi năm có thể giảm phát thải mỗi năm khoảng 10.635 tấn CO<sub>2</sub>. Hiện nay, mỗi CER (1 tấn CO<sub>2</sub> = 1 CER) được chuyển nhượng với giá 12 USD trên thị trường, từ đó cho thấy những hiệu quả kinh tế của dự án.

Theo bà Suzanne Chew đến từ Công ty TFS, thị trường cacbon quốc tế năm 2009 trị giá khoảng 144 tỷ USD, trong đó các dự án CDM mới chỉ chiếm 2%, đạt khoảng 2,7 tỷ USD. Các dự án CDM chủ yếu là của Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil dẫn đến sự phân phối lợi nhuận từ CDM là chưa công bằng đối với khu vực châu Mỹ La tinh, Nam Phi và Đông Nam Á.

Các dự án CDM thông thường không khuyến khích đối với những dự án quy mô nhỏ vì chi phí cho việc lấy chứng nhận CER cao, trong khi lợi nhuận từ việc bán CER thấp. Chính vì vậy các dự án nhỏ cần nhóm lại thành một Chương trình, gọi tắt là PoA -CDM để giảm chi phí giao dịch, giúp các dự án nhỏ có thể tiếp cận nguồn thu từ CDM. Tuy nhiên thách thức là phải quản lý tốt PoA cùng với đơn vị điều phối có kỹ năng quản lý và các bên tham gia Chương trình.

TFS đã phối hợp với Cty Intraco thực hiện 6 chương trình PoA tại Việt Nam, bao gồm: Lắp đặt bình nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời tại miền Nam, Việt Nam; Chương trình khí sinh học ở Việt Nam; Chương trình thủy điện nhỏ thân thiện quản lý bởi Cty Intraco; Chương trình phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam; Chương trình thủy điện nhỏ bền vững tại Việt Nam; Chương trình hoạt động gạch không nung - là PoA đầu tiên tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất VLXKN do Intraco điều phối.

Ông Hoàng Anh Dũng - giám đốc Intraco cho biết: chương trình phát triển các dự án gạch không nung thành dự án CDM theo chương

trình PoA nhằm hỗ trợ phát triển các dự án sản xuất gạch không nung tại Việt Nam thông qua bổ sung nguồn thu từ dự án CDM. PoA là chương trình triển khai các dự án theo cơ chế CDM cho một tập hợp các dự án nhỏ vượt qua các rào cản tiến hành thành dự án CDM theo cách thông thường. Hai loại công nghệ được đưa vào chương trình PoA bao gồm: công nghệ sản xuất gạch không nung từ tro bay không sử dụng xi măng và công nghệ sản xuất gạch bê tông khí chưng áp.

**Minh Tuấn**

## **Lãnh đạo Bộ Xây dựng góp ý kiến Dự thảo Quy hoạch phát triển nhân lực ngành xây dựng giai đoạn 2011 -2020**

Ngày 4/11/2010 tại Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân đã chủ trì hội nghị nghe báo cáo và đóng góp ý kiến cho Dự thảo Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Xây dựng giai đoạn 2011 - 2020. Cùng dự với Bộ trưởng có các Thứ trưởng: Cao Lại Quang, Bùi Phạm Khánh, Nguyễn Đình Toàn; lãnh đạo Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Quản lý hoạt động xây dựng, Vụ Pháp chế, Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường, Vụ Kinh tế - Tài chính, Vụ Kiến trúc - Quy hoạch, Cục Hạ tầng kỹ thuật, Thanh tra Bộ. Thay mặt ban soạn thảo, ông Phạm Xuân Điều - Giám đốc Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị (AMC) đã báo cáo tóm tắt bản Dự thảo quy hoạch.

Theo Dự thảo Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Xây dựng giai đoạn 2011 -2020, tính đến 30/9/2010, tổng số nhân lực ngành Xây dựng là 343.705 người, trong đó nam giới là 291.676 người, chiếm 84,86%, nữ giới 52.029 người, chiếm 15,16%; nhân lực dưới 30 tuổi chiếm 38,55%, từ 30 -50 tuổi chiếm 51,46%, trên 50 tuổi chiếm 9,98%; nhân lực khu vực sản xuất



Ông Phạm Xuân Điều - Giám đốc Học viện AMC báo cáo tóm tắt nội dung của Dự thảo Quy hoạch chiếm trên 95% tổng số nhân lực của ngành, công chức hành chính ngành Xây dựng ở địa phương chiếm tỷ trọng lớn, xấp xỉ 95% tổng số công chức hành chính ngành Xây dựng.

Theo đánh giá thực trạng chất lượng nguồn nhân lực ngành Xây dựng trong Dự thảo quy hoạch, số lượng công chức hành chính ngành xây dựng có trình độ đại học trở lên là 78,4%, gần 95% đã được đào tạo bồi dưỡng quản lý Nhà nước chương trình từ cán sự trở lên; viên chức các viện nghiên cứu có trình độ chuyên

môn tương đối tốt với 95,05% đại học trở lên, trong đó có 5,63% đạt trình độ tiến sỹ, 10,16% thạc sỹ; đội ngũ lãnh đạo, quản lý trong các doanh nghiệp ngành Xây dựng có trình độ trên đại học chiếm 1,39%; trình độ đại học 84,39%; đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học trở lên chiếm 72,28%. Tổng số công nhân lao động ngành Xây dựng hiện nay là 236.334 người, bao gồm công nhân xây dựng, lắp máy, cơ khí, sản xuất VLXD, lao động phổ thông. Tỷ lệ thợ bậc 3 chiếm 29,4%, bậc 4 chiếm 14,24%, bậc 5 chiếm 9,78%, bậc 6 chiếm 4,5%, bậc 7 chiếm 1,46%, tỷ lệ lao động vượt khung chiếm 0,2%.

Mạng lưới đào tạo hiện nay của ngành Xây dựng có 33 trường từ bậc trung cấp nghề đến đại học: 2 trường đại học, 1 học viện cán bộ, 6 trường cao đẳng xây dựng, 10 trường trung cấp xây dựng, 7 trường cao đẳng nghề và 7 trường trung cấp nghề. Các trường thuộc mạng lưới ngành Xây dựng cung ứng được xấp xỉ 18% số lao động khu vực công của ngành Xây dựng và 2,6% tổng số lao động hoạt động trong ngành Xây dựng.

Về phương hướng phát triển nhân lực ngành Xây dựng giai đoạn 2011 - 2020, Dự thảo quy hoạch đưa ra mục tiêu phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng nhằm đảm bảo đủ số lượng, đạt yêu cầu chất lượng phục vụ nhu cầu phát triển của ngành theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đủ sức cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

Dự thảo quy hoạch cũng đưa ra các con số dự báo về nhu cầu nhân lực trong ngành Xây dựng, các giải pháp chủ yếu và các dự án ưu tiên để thực hiện quy hoạch, lộ trình thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

Phát biểu tại Hội nghị, ông Uông Đình Chất - Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ cho biết, bản Dự thảo quy hoạch này được xây dựng có tính chất tổng quát. Theo nghiên cứu của nhóm chuyên gia biên soạn, một đặc điểm quan trọng là lao động xây dựng có tính chất nặng nhọc, kém hấp dẫn, từ đó đã dẫn đến sự mất cân đối

giữa các ngành nghề đào tạo, giữa các cấp học, vì vậy việc đào tạo nguồn nhân lực cho ngành cần được quan tâm chỉ đạo và khuyến khích. Trong cơ chế hiện nay, các trường đào tạo thuộc doanh nghiệp chưa nhận được sự hỗ trợ của Nhà nước, trong khi doanh nghiệp chủ quản đầu tư ít cho các trường, dẫn đến nhiều trường gặp khó khăn trong công tác tuyển sinh trong khi lực lượng công nhân kỹ thuật xây dựng hiện nay rất thiếu. Trong thời gian qua, Bộ Xây dựng đã bám sát chủ trương của Nhà nước, chỉ đạo các trường thuộc ngành đổi mới chương trình giảng dạy, nội dung đào tạo, tổ chức nhiều chương trình giao lưu, trao đổi giữa các trường với doanh nghiệp, tuy nhiên các ngành nghề đào tạo trong thực tế không đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp. Tỷ lệ công chức, viên chức, cán bộ kỹ thuật ngành Xây dựng có trình độ đại học trở lên khá cao so với mặt bằng chung của cả nước, nhưng còn một bộ phận thiếu kinh nghiệm thực tiễn, hiệu quả làm việc, tính kỷ luật, tính chuyên nghiệp chưa cao so với các nước trong khu vực. Sau khi Quy hoạch được phê duyệt, trên cơ sở cân đối cung - cầu về nhân lực, Bộ Xây dựng sẽ thiết lập các đề án ưu tiên cụ thể trong từng giai đoạn.

Nhiều ý kiến đóng góp tại Hội nghị cho rằng, cần nêu bật phạm vi của Quy hoạch phát triển nhân lực ngành xây dựng giai đoạn 2011 -2020 để tránh trùng lặp với quy hoạch nguồn nhân lực của các ngành khác có hoạt động xây dựng như giao thông, thủy lợi ..., phân tích kỹ thực trạng để làm rõ sự cần thiết của Quy hoạch, xác định nguồn kinh phí thực hiện và lộ trình, mục tiêu cụ thể từng giai đoạn của Quy hoạch...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân đã hoan nghênh ban soạn thảo đã tiến hành nghiên cứu và xây dựng bản Dự thảo Quy hoạch, được Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Thiện Nhân đánh giá cao. Tuy nhiên cần hoàn thiện thêm, đi sâu vào đúng bản chất, tình hình công tác đào tạo nguồn nhân lực của Ngành hiện nay để có định hướng,

giải pháp đúng và lộ trình phù hợp.

Cụ thể, trong phần đánh giá thực trạng, trong Quy hoạch phải chỉ ra được phương thức đào tạo hiện nay có gắn với đầu ra không?, trình độ, nghề nghiệp của các cấp bậc đào tạo đã phù hợp với trình độ khoa học công nghệ và hội nhập quốc tế chưa?. Rà soát, đánh giá các cơ chế, chính sách cho đào tạo nói chung, cho đào tạo nhân lực của ngành Xây dựng nói riêng có gì bất cập, chưa khuyến khích để từ đó đưa ra đề xuất, kiến nghị. Cần phân tích rõ đặc điểm của ngành Xây dựng như tính đa dạng về ngành nghề, sở hữu... nhu cầu về đào tạo ngắn hạn, đào tạo lại, bồi dưỡng kiến thức, đào tạo chúng chỉ, những lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng ... để xác định phạm vi của Quy hoạch.

Trong phần phương hướng, giải pháp: cần kết hợp nhiều nguồn số liệu từ thống kê, tính

toán để dự báo số lượng, ngành nghề (tỷ trọng %), trình độ. Xác định các cơ sở đào tạo của Ngành đáp ứng được bao nhiêu cho ngành, cho xã hội theo từng vùng, miền, cơ cấu đào tạo của các trường ... để có đề xuất sát thực tế và phù hợp với nhu cầu phát triển trong tương lai.

Về kiến nghị các cơ chế chính sách, cần quán triệt từng bước quá trình đào tạo phải gắn với đầu ra, với thị trường. Người học phải trả tiền, đãi ngộ của Nhà nước là dành cho các đối tượng chính sách. Từng bước chuyển các cơ sở đào tạo sang tự chủ, tự quyết định giá thành đào tạo. Nội dung chương trình đào tạo phải đáp ứng mục tiêu hội nhập, tiệm cận với khu vực và quốc tế, xây dựng chương trình đào tạo liên thông, tín chỉ...

**Minh Tuấn**

## **Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam định hướng chuyên môn hóa sâu lĩnh vực chế tạo cơ khí, phát huy vai trò tổng thầu EPC trong giai đoạn 2011 -2015**

Ngày 28/10/2010 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã họp với lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (Lilama) về rà soát, đánh giá toàn diện tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển giai đoạn 2006 -2010, kế hoạch 2011 và 2011-2015 của TCty Lilama. Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân đã chủ trì buổi họp.

Theo báo cáo của TCty Lilama, thực hiện chiến lược phát triển thành nhà chế tạo thiết bị cơ khí nặng, nhà tổng thầu mạnh hàng đầu Việt Nam, thành công nhất trong giai đoạn 2006 -2010 của TCty Lilama là đã hoàn thành, bàn giao các dự án tổng thầu EPC, dự án trọng điểm quốc gia như: Nhà máy nhiệt điện Uông Bí mở rộng, nhà máy nhiệt điện Cà Mau 1, Cà Mau 2, Nhơn Trạch 1, nhà máy xi măng Thăng Long, xi măng Sông Thao, nhà máy lọc dầu

Dung Quất, Trung tâm Hội nghị quốc gia... và đang triển khai nhiều dự án lớn như nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhơn Trạch 2, thủy điện Hòa Na, xi măng Đô Lương, Hàng Ga A75. Tại các công trình này, TCty Lilama đã đảm nhận hầu hết công tác chế tạo thiết bị trong nước, đạt tỷ lệ nội địa hóa từ 30-70% về khối lượng. TCty Lilama đã xây dựng được quan hệ hợp tác với nhiều tập đoàn nổi tiếng trên thế giới như Mitsubishi, Hyundai, Technip, Siemens ...để cùng liên doanh đấu thầu, xây lắp công trình, uy tín của thương hiệu Lilama ngày càng được củng cố và phát triển.

Trong giai đoạn 2006 -2010, tổng giá trị sản xuất kinh doanh của TCty Lilama ước đạt 77.450 tỷ đồng, trong đó năm 2010 ước đạt 19.628 tỷ đồng, bình quân tăng trưởng khoảng 19%/năm; kim ngạch xuất nhập khẩu cả giai

đoạn trên 1,5 tỷ USD. Toàn TCty trong cả giai đoạn đã và đang thực hiện đầu tư 65 dự án với tổng giá trị trên 8.600 tỷ đồng, bình quân mỗi năm trên 1.700 tỷ đồng, 44 dự án đã được hoàn thành và đi vào hoạt động mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, tạo việc làm cho một lượng lớn lao động, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng và tăng năng lực thi công của toàn TCty. Các sản phẩm điện thương phẩm, xi măng, thép mạ màu, que hàn, tàu biển pha sông ... mang thương hiệu Lilama đã góp phần nâng cao vị thế của TCty Lilama trên thị trường trong nước và quốc tế.

Giai đoạn 2011-2015 được Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo TCty Lilama xác định là giai đoạn quan trọng để khẳng định vững chắc vị thế dẫn đầu trong vai trò nhà tổng thầu các dự án, công trình lớn, công trình trọng điểm quốc gia và tiến tới đầu thầu quốc tế để nhận thầu công trình ở nước ngoài, tăng cường đầu tư, liên doanh, liên kết thực hiện các dự án lớn trong lĩnh vực năng lượng, vật liệu xây dựng, cơ khí chế tạo... Trong đó chế tạo cơ khí, sản xuất công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng - lĩnh vực sản xuất chủ đạo của TCty sẽ được tập trung chuyên môn hóa sâu, nơi tích tụ cơ sở vật chất, nền tảng tiềm lực của Lilama. TCty Lilama sẽ đi vào sản xuất, chế tạo các thiết bị đồng bộ, thiết bị đặc chủng có hàm lượng khoa học công nghệ cao phục vụ các ngành kinh tế mũi nhọn gồm Điện, Xi măng, Đóng tàu, Dầu khí, Hóa chất... như sản phẩm lò nung, máy nghiền xi măng cỡ lớn, máy rút rải liệu, quạt công suất lớn, bình - bể áp lực, hệ thống lọc bụi, tăng cường đầu tư cho sản xuất công nghiệp và VLXD: điện thương phẩm, xi măng, thép, đóng tàu ...

Hoạt động tổng thầu EPC, nhà thầu xây lắp vẫn sẽ chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu sản xuất kinh doanh của TCty Lilama. Sản phẩm chủ yếu là các dây chuyền thiết bị toàn bộ thuộc các dự án đầu tư của các ngành kinh tế do Lilama thực hiện theo hình thức EPC hay từng phần E, P, C. Đây là lĩnh vực sản xuất chính có

ý nghĩa quyết định đến sự tăng trưởng và phát triển bền vững của Lilama, vì nó vừa là đầu ra cho các sản phẩm thuộc lĩnh vực “chế tạo cơ khí, sản xuất công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng”, đồng thời là nơi sử dụng nhiều sản phẩm khác của lĩnh vực “thương mại, dịch vụ, đào tạo, nghiên cứu chuyển giao công nghệ”, tạo được sự khép kín trong sản xuất kinh doanh để đạt được hiệu quả cao nhất.

Phát biểu tại buổi làm việc, ông Lê Văn Quế - Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam đã nhận xét, TCty Lilama là một TCty lớn, có thương hiệu mạnh, luôn duy trì được tăng trưởng trong những năm vừa qua. Tuy nhiên qua báo cáo của Lilama cho thấy, do vốn chủ sở hữu của Lilama thấp, nên hoạt động sản xuất - kinh doanh chủ yếu dựa trên vốn vay, hơn nữa tỷ lệ dãn dặt công nợ nhiều... dẫn đến hiệu quả chưa cao. Trong 5 năm tới, TCty Lilama xác định đi sâu vào nghiệp vụ tổng thầu EPC, cơ khí chế tạo, sản xuất công nghiệp là hướng đi đúng, phù hợp với chiến lược phát triển của Tập đoàn.

Kết luận buổi làm việc, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân đã đánh giá cao sự cố gắng của lãnh đạo TCty Lilama, trong những năm vừa qua luôn duy trì được mức tăng trưởng khá, hoàn thành nhiều công trình quan trọng cho đất nước. Tuy nhiên, để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2011-2015, trong điều kiện tỷ trọng xây lắp của Lilama khá cao (chiếm 70%), là nhiệm vụ rất nặng nề và nhiều thách thức do các hợp đồng xây lắp còn ở phía trước, chưa xác định được. Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân cũng yêu cầu lãnh đạo Tập đoàn và TCty Lilama rà soát, đánh giá toàn diện tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển giai đoạn 2006 -2010; Xây dựng kế hoạch giai đoạn 2011-2015 của các đơn vị thành viên, của Tập đoàn đảm bảo phải tăng trưởng và phát triển.

**Minh Tuấn**



## **Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2010 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 2011, giai đoạn 2011-2015 của Tổng Công ty cổ phần Sông Hồng**

Ngày 3/11/2010, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân đã chủ trì Hội nghị nghe Tổng Công ty (TCty) cổ phần Sông Hồng báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh 2010, kế hoạch 2011 và kế hoạch giai đoạn 2011 - 2015. Tham dự Hội nghị có Thứ trưởng Thường trực Cao Lại Quang, Thứ trưởng Trần Văn Sơn, Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam Lê Văn Quế, Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc TCty cổ phần Sông Hồng, lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng.

Theo báo cáo của TCty cổ phần Sông Hồng, nhờ có nhiều công trình xây lắp giá trị lớn chuyển tiếp từ năm 2009 như Nhà thi đấu đa năng Đà Nẵng, nhà máy nhiệt điện Vũng Áng, Dự án cải tạo môi trường sông Phú Lộc - Đà Nẵng, gói thầu 3A - Dự án xây dựng đường Cát Linh - La Thành - Yên Lãng, Hà Nội, gói thầu CT -4 xây lắp nhà CT1B và CT1A thuộc Dự án phát triển giao thông đô thị Hà Nội, được giao thầu nhiều công trình lớn như Trường Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Bệnh viện tỉnh Sóc Trăng, Bệnh viện tỉnh Bắc Ninh, Trung tâm Hành chính Đà Nẵng ...nên tình hình sản xuất kinh doanh năm 2010 của TCty có kết quả khả quan, giá trị sản xuất kinh doanh ước đạt 4.755 tỷ đồng, bằng 109% kế hoạch, doanh thu ước đạt 4.260 tỷ đồng, bằng 109% kế hoạch, đầu tư phát triển đạt 526 tỷ đồng, bằng 69% kế hoạch đề ra.

Dự án nhà máy thép của TCty đã đi vào vận hành năm 2010 và phát huy được 70% công suất. Tình hình tín dụng của TCty đã được cải thiện nhờ xóa được nợ xấu.

Năm 2010, TCty cổ phần Sông Hồng đã hoàn thành công tác cổ phần hóa, hiện tại mô hình Công ty mẹ - Công ty con của TCty gồm

07 đơn vị trực thuộc, 13 công ty con là công ty cổ phần, 16 công ty liên kết là công ty cổ phần, 07 công ty đầu tư tài chính.

Về kế hoạch năm 2011 và giai đoạn 2011 - 2015, TCty cổ phần Sông Hồng sẽ thực hiện chủ trương đầu tư vào các dự án thuộc các lĩnh vực có hiệu quả kinh tế cao như bất động sản nhà ở và văn phòng cho thuê, hạ tầng khu công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng. Các dự án chuyển tiếp từ 2010 sang 2011 sẽ được tập trung các nguồn lực đẩy nhanh tiến độ như Dự án nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thái Hà, Dự án cụm công nghiệp làng nghề Đông Thọ, Bắc Ninh, Dự án DDN1 và DDN3 toàn nhà CT3 - Khu đô thị mới Trung Văn, Hà Nội; Dự án Khách sạn Royal Sông Hồng - Lào Cai

Trong giai đoạn 2011-2015, TCty cổ phần Sông Hồng xây dựng định hướng phát triển trở thành một TCty mạnh trong Tập đoàn Công nghiệp xây dựng Việt Nam, đa sở hữu, đa ngành nghề, sản phẩm. Lấy sản phẩm sản xuất công nghiệp và kinh doanh bất động sản làm sản phẩm chính để đầu tư phát triển. Tăng cường khả năng cạnh tranh, nâng cao uy tín thương hiệu Sông Hồng trên thị trường, đảm bảo hài hòa lợi ích của người lao động và lợi ích xã hội.

TCty cổ phần Sông Hồng cũng xác định 04 ngành nghề mũi nhọn bao gồm: Xây lắp, sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng, đầu tư kinh doanh bất động sản, gia công cơ khí. Phấn đấu đạt mức tăng trưởng bình quân 21%, năm 2015 giá trị sản lượng đạt trên 10.000 tỷ đồng.

Phát biểu tại Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam Lê Văn Quế cho biết, trước đây, TCty Sông Hồng là doanh nghiệp gặp nhiều khó

khẩn do thiếu vốn, ít việc làm. Trong 5 năm gần đây, 2006-2010, TCty Sông Hồng đã có sự phát triển khả quan, giải quyết được nợ xấu, hoàn thành cổ phần hóa, mức tăng trưởng giá trị sản xuất kinh doanh bình quân cả giai đoạn đạt xấp xỉ 29%, đảm bảo được việc làm cho người lao động và có tích lũy.

Ông Trần Thanh Hà - Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính phát biểu, trong giai đoạn 2006 - 2010, TCty Sông Hồng có sự tăng trưởng trên tất cả các chỉ tiêu, tuy nhiên một số công ty con trong TCty cổ phần Sông Hồng gặp khó khăn, không đạt lợi nhuận, thậm chí còn không bảo toàn được vốn. Đối với những đơn vị đó, đề nghị Ban lãnh đạo Tập đoàn và TCty xem xét phương án xử lý.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Bộ trưởng

Nguyễn Hồng Quân yêu cầu Hội đồng thành viên Tập đoàn CNXD Việt Nam phối hợp với lãnh đạo TCty cổ phần Sông Hồng rà soát lại các chỉ tiêu kế hoạch, phê duyệt kế hoạch của TCty Sông Hồng, mục tiêu là kế hoạch phải đảm bảo bảo toàn vốn, phát triển vốn, có tăng trưởng, đảm bảo cho sự phát triển ổn định và bền vững của doanh nghiệp. Hội đồng thành viên Tập đoàn phải quan tâm chỉ đạo công tác kế hoạch của các đơn vị thành viên, kế hoạch của các đơn vị thành viên không được tách rời chiến lược phát triển của Tập đoàn, đặc biệt trong công tác sắp xếp doanh nghiệp và đầu tư phát triển. Đối với các doanh nghiệp không bảo toàn được vốn, cần có biện pháp xử lý.

Minh Tuấn

## **Phân tích những mặt hạn chế về quản lý nhân viên trong các doanh nghiệp xây dựng tư nhân**

Những năm trở gần đây, các doanh nghiệp xây dựng tư nhân đang trong giai đoạn phát triển nhanh chóng. Nhưng trong quá trình phát triển, các doanh nghiệp xây dựng tư nhân bằng cách nào để tự lực tăng cường năng lực xây dựng, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhân viên và hình thành hệ thống tự quản lý ấy ra sao? Đây chính là một vấn đề mới mà các doanh nghiệp xây dựng tư nhân phải đối mặt và cần nhanh chóng giải quyết.

### **1. Vấn đề quản lý nhân viên trong các doanh nghiệp xây dựng tư nhân**

Đối với một doanh nghiệp tư nhân, khi thành lập công ty, việc đầu tiên cần làm là thiết lập một bộ máy quản lý, thông qua bộ máy này sẽ giúp doanh nghiệp đi vào hoạt động và mang lại hiệu quả kinh tế. Nhưng cùng với sự phát triển của doanh nghiệp, chức năng quản lý cũng như quan niệm về kinh doanh của các thành viên trong doanh nghiệp đã không còn phù hợp với nhu cầu tự lực phát triển của doanh nghiệp nữa, ngược lại, lúc này bộ máy quản lý

có khi còn trở thành rào cản đối với dây chuyền hoạt động của doanh nghiệp.

Do vốn đầu tư vào doanh nghiệp và vốn cổ phần của các cá nhân hoặc tài sản của gia đình đều được tập hợp lại làm một, nên đã làm cho quyền và tài sản trong nội bộ doanh nghiệp không được rõ ràng, dễ làm cho tài sản của doanh nghiệp bị thất thoát, thậm chí trong đội ngũ nhân viên (người trong gia đình) nảy sinh tham nhũng, làm giảm hiệu quả kinh doanh, gây ảnh hưởng tới cơ chế vận hành và thiết lập cơ chế quản lý của doanh nghiệp. Do chịu hạn chế trong cơ cấu quản lý, ở những doanh nghiệp mang tính chất gia đình này, người có vị trí cao nhất là người nắm quyền quản lý tuyệt đối. Vì vậy, trong bộ phận nhân viên luôn xảy ra tình trạng bất mãn, không cố gắng trong công việc, những điểm này đã bộc lộ rõ trong công tác quản lý nhân viên trong doanh nghiệp xây dựng tư nhân còn thiếu tính nghiêm khắc.

Trình độ quản lý kinh doanh yếu kém cũng sẽ góp phần hạn chế sự phát triển của doanh

nghiệp. Thiếu đội ngũ nhân tài quản lý, thậm chí có đội ngũ nhân tài quản lý, nhưng bản thân họ thiếu tố chất kinh doanh, cũng là trở ngại lớn cho sự phát triển của doanh nghiệp. Thông qua việc khảo sát một số doanh nghiệp xây dựng tư nhân cho thấy, nhu cầu cấp thiết nhất của các doanh nghiệp này là có được nhân tài quản lý kinh doanh tổng hợp và nhân tài kỹ thuật. Nên doanh nghiệp nào không có nhân tài sẽ là trở ngại lớn cho sự phát triển của doanh nghiệp.

## **2. Phân tích nguyên nhân và hạn chế đối với công tác quản lý nhân viên trong các doanh nghiệp xây dựng tư nhân**

Trong doanh nghiệp xây dựng tư nhân, chủ doanh nghiệp là người có quyền quyết định tất cả mọi hoạt động của doanh nghiệp, nên nhân viên làm việc trong doanh nghiệp đó luôn phải nghe theo, thực hiện đúng mọi chỉ thị của người chủ đưa ra, cho dù những chỉ thị đó không đúng cũng không được phản đối, khiến cho nhân viên chỉ việc chấp hành chỉ thị của cấp trên, trong quá trình thực hiện không có cơ hội đưa ra ý tưởng đổi mới của mình. Một vấn đề khác, đối với các thành viên trong doanh nghiệp, do có sự chênh lệch tuổi tác và thâm niên công tác, nên những người nhiều tuổi hơn, làm việc lâu năm hơn, luôn tự xem mình có quyền sở hữu, dùng những kinh nghiệm trong công việc và ngôn ngữ của người đi trước để ra lệnh, lâu dần họ sẽ trở thành những người chuyên ỷ nại công việc cho người khác. Do sự hạn chế trong công tác quản lý của ban lãnh đạo, nên những thành viên trong doanh nghiệp lúc nào cũng chỉ lo cho bản thân mình. Cứ như vậy, cùng với thời gian, các nhân viên sẽ dần mất đi những ý tưởng đổi mới cho doanh nghiệp và bắt đầu có tư tưởng ỷ nại, trọng trách phát triển doanh nghiệp chủ yếu là dựa trên hai vai của người chủ doanh nghiệp. Hơn nữa, do các nhân viên trong doanh nghiệp không có cách nào để phát huy hết năng lực của mình, một số nhân viên ưu tú trong doanh nghiệp lại có cảm giác hoang mang trước sự cố gắng của bản thân, trong đầu dần nảy sinh ý định xin chuyển việc đi nơi khác.

Trong cùng một doanh nghiệp, các thành viên là người cùng một nhà, những người chung góp vốn hay các nhân viên tuyển từ bên ngoài vào, nếu họ đều có ý thức chung sức, có ý chí tiến thủ, có thể đưa cả bộ máy hoạt động của doanh nghiệp đi lên, chắc chắn doanh nghiệp sẽ phát triển bền vững. Nhưng trên thực tế, những thành viên trong cùng một nhà phần lớn giữa họ đều là có quan hệ ruột thịt, hoặc là có quan hệ huyết thống gần xa, năng lực của họ có sự cao thấp, tham gia vào doanh nghiệp có người trước, người sau. Bởi những nguyên nhân này, nên mức độ thân thiết giữa các thành viên cũng khác, có khi còn đố kỵ, trách móc lẫn nhau. Kiểu mâu thuẫn này, từ nội bộ mang đến doanh nghiệp, đã làm cho nội bộ doanh nghiệp phát sinh mâu thuẫn theo và khi mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm, gây ảnh hưởng tới cả các thành viên khác không phải người trong nhà, cuối cùng là làm cho toàn bộ mối quan hệ giữa các thành viên trong doanh nghiệp với nhau bị mâu thuẫn nghiêm trọng, các thành viên dần mất đi sự nhiệt tình trong công việc, không còn quan tâm giúp đỡ lẫn nhau.

Khi doanh nghiệp xây dựng tư nhân mới được thành lập, để hạ thấp giá thành và rủi ro, phần lớn thành viên trong doanh nghiệp là người cùng một nhà, trong thời gian này các nhân viên có thể giúp doanh nghiệp hoàn thành các công việc. Nhưng cùng với sự phát triển của doanh nghiệp, do những nhân viên này bị hạn chế về năng lực bản thân, nên không thể đáp ứng với công việc, thậm chí còn trở thành trở ngại lớn cho sự phát triển của doanh nghiệp. Hơn nữa, do chủ doanh nghiệp xây dựng tư nhân không chịu đầu tư đào tạo bồi dưỡng cho nhân viên của mình, nên càng làm cho nhân viên của họ kém, thiếu năng lực sáng tạo, không có chí tiến thủ, khiến cho doanh nghiệp ngày càng trở nên rối ren.

Cùng làm việc trong một doanh nghiệp, các nhân viên luôn kỳ vọng từ công việc, tiền lương, cho đến khen thưởng phải được công bằng như nhau, trong doanh nghiệp phải luôn dân chủ,

công khai, công bằng và đây cũng là những nguyên tắc để các doanh nghiệp quản lý đãi ngộ nhân viên của mình. Đãi ngộ là chủ đề khá nhạy cảm đối với doanh nghiệp, với những người cùng một nhà làm việc trong doanh nghiệp, nếu không có sự bình đẳng về lương thưởng, công sức cống hiến, sẽ làm cho tinh thần làm việc bị ảnh hưởng theo, phát sinh mâu thuẫn và rạn nứt tình cảm vốn gắn bó từ trước. Để kích lệ sự nhiệt tình của các thành viên không phải là người nhà nhưng làm việc trong doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp thường đưa ra nhiều hứa hẹn khen thưởng bằng vật chất, nhưng lại thêm những điều kiện khác như “chỉ có quyền sử dụng, không có quyền sở hữu”... điều này đã khiến cho các thành viên ngoài mặt tỏ thái độ cảm kích, nhưng trong lòng lại bất mãn, chán chường.

Trong doanh nghiệp xây dựng tư nhân, phần lớn là kinh doanh theo kiểu cha truyền con nối. Về điểm này, một mặt đã khiến cho nhân tài không phải người nhà làm việc trong doanh nghiệp khó mà được thăng tiến, mặt khác, do nhiều nguyên nhân khác nhau, những thế hệ sau đã không kế thừa được sự nghiệp do đời cha, đời ông gây dựng để lại, đến một ngày nào đó, khi năng lực không còn đáp ứng được với công việc, sẽ làm cho doanh nghiệp rơi vào tình trạng khủng hoảng, khó mà phát triển.

### **3. Cải thiện phương pháp quản lý nhân viên trong tình hình mới**

Để hoàn thiện kế hoạch phát triển từng cá nhân, nhất thiết phải đưa nội dung đào tạo nghiệp vụ vào trong kế hoạch. Thông qua đào tạo, đối với nhân viên mới, sẽ giúp họ thích nghi với môi trường, nắm bắt được các kỹ năng cơ bản; đối với nhân viên cũ, đây là cơ hội để họ bổ sung kiến thức và nắm bắt các kỹ năng mới, từ đó mới có thể đáp ứng với nhu cầu công việc. Trên cơ sở đào tạo, chất lượng trình độ của nhân viên sẽ không ngừng nâng cao, kết quả sẽ được phản ánh trên các chỉ số hiệu quả kinh tế, tăng thêm năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp. Theo các chuyên gia phân tích, công ty

Motorola được coi là nhà mạng truyền thông không dây lớn ở Mỹ, một trong những tham vọng lớn nhất hiện nay của công ty là tiến hành đào tạo chuyên ngành cho nhân viên của mình, hàng năm họ dùng khoảng 200 triệu USD vào việc đào tạo khoảng hơn một trăm nghìn nhân viên, mỗi một khoá đào tạo phải đáp ứng đủ thời gian từ 40 tiếng trở lên, họ còn cho rằng sử dụng 100 triệu USD đầu tư vào việc đào tạo, có thể thu hồi lại được 3 tỷ USD.

Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa các thành viên là người cùng một nhà và những người góp cổ phần vào doanh nghiệp, cũng một phần do từ phía nhân viên quản lý cao cấp gây ra. Kinh tế thị trường trong những năm gần đây, do nhân viên quản lý cao cấp nhả việc mà dẫn đến doanh nghiệp xây dựng tư nhân đối mặt với không ít khó khăn, nhất là những doanh nghiệp xây dựng tư nhân có mô hình nhỏ. Doanh nghiệp xây dựng tư nhân muốn duy trì trạng thái phát triển, nhất thiết phải chuẩn bị các phương án xử lý và phòng tránh được những rủi ro sẽ xảy ra.

Đối với kế hoạch phát triển cho từng cá nhân, nội dung kế hoạch phải phù hợp với phương hướng phát triển, trách nhiệm và công việc... của doanh nghiệp. Đối với kế hoạch chuyên ngành cho từng cá nhân, cần định hướng tập trung vào chức năng công việc và phân đoạn trách nhiệm, mục đích chính là thúc đẩy sự nhiệt tình học hỏi, phấn đấu của nhân viên, để trong công việc nhân viên có thể tìm được phương hướng và mục tiêu phát triển. Ngoài ra, khi lập kế hoạch, về khía cạnh đãi ngộ nhất thiết không được thiết lập khung đãi ngộ quá cao, tránh trường hợp khi doanh nghiệp gặp khó khăn không thực hiện được đúng lời hứa.

Doanh nghiệp xây dựng tư nhân trong từng giai đoạn phát triển khác nhau, thì văn hoá doanh nghiệp trong những giai đoạn đó cũng sẽ khác nhau. Trong lĩnh vực phát triển công nghệ cao, doanh nghiệp cần chú ý tới sự đổi mới, trong lĩnh vực phát triển công nghệ truyền

thống, doanh nghiệp cần nhấn mạnh việc nhân viên có khả năng sẽ phải chịu khổ chịu khó, phải nhấn hơn về tính ổn định đối với lao động đang làm việc trong doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển. Kế hoạch phát triển cá nhân nhân viên nhất thiết phải hoà hợp với văn hoá của doanh nghiệp, như vậy kế hoạch phát triển cá nhân mới có thể thực hiện được.

Kế hoạch phát triển cá nhân nhất thiết phải kết hợp với lợi ích kinh tế, như vậy mới có thể trở thành lực thực thúc đẩy để thực hiện. Đối với tiền lương cho nhân viên dựa trên lợi ích kinh tế của doanh nghiệp để chi trả, nhân viên nào tích cực trong công việc sẽ được khen thưởng trực tiếp. Cùng với sự phát triển của doanh nghiệp, năng lực cũng như tinh thần trách nhiệm của nhân viên đối với doanh nghiệp không ngừng được nâng cao, tiền lương tương ứng cũng sẽ được doanh nghiệp báo đáp đầy đủ. Như vậy, nếu một lúc nào đó doanh nghiệp kinh doanh kém hiệu quả, thu nhập của những nhân viên làm việc tại doanh nghiệp sẽ tạm thời bị giảm xuống, thì nhân viên cũng không vì thế mà cảm thấy chán nản, thất vọng, bởi vì họ không có sự phân biệt giữa lợi ích của bản thân và lợi ích của doanh nghiệp, mà họ chỉ nghĩ rằng, chỉ cần bản thân nỗ lực cố gắng sẽ giúp doanh nghiệp thoát khỏi rủi ro, từ đó thúc đẩy doanh nghiệp phát triển. Trong vấn đề phân công công việc hàng ngày, cũng phải chú ý tới các nguyên tắc công bằng, tránh xảy ra tình trạng mất công bằng trong phân chia công việc.

Khi thực hiện kế hoạch phát triển cá nhân

## **Tòa nhà văn phòng và trung tâm thương mại Elokhov ở thủ đô Matxcova**

Vấn đề xây dựng công trình mới tại phố cổ trung tâm ở Matxcova (Liên bang Nga) đang ngày càng trở nên bức xúc và thu hút nhiều hơn sự quan tâm của cộng đồng. Vì vậy việc tìm được những ví dụ kiểu mẫu cho loại hình xây dựng đó có ý nghĩa lớn. Trung tâm thương mại

nhân viên trong doanh nghiệp xây dựng tư nhân, nhất định phải chọn ra người đủ năng lực để trao quyền quản lý. Trong doanh nghiệp xây dựng tư nhân, người chủ doanh nghiệp không nên tự mình làm hết mọi việc, mà chỉ giữ vai trò là người chỉ huy, chỉ đạo. Nếu như trong doanh nghiệp gặp phải vấn đề gì, người đứng ra xử lý là phải các cán bộ cấp dưới, nhưng người chủ doanh nghiệp lại tự điều động nhân viên cấp thấp hơn đi xử lý, hoặc tự mình đứng ra xử lý, đây là một việc làm không nên, bởi nó không nằm trong phạm vi quản lý của người chủ doanh nghiệp. Cho dù người chủ doanh nghiệp có vô số các lý do để làm như vậy, nhưng kết quả của sự việc thường làm cho cán bộ quản lý cấp dưới cảm thấy mình như một người thừa, không có quyền lực trong tay, như vậy sẽ rất khó chỉ huy cấp dưới của họ, xuất phát từ đó, về sau họ không muốn tự chịu trách nhiệm trước bất cứ việc làm nào, làm việc gì cũng phải hỏi ý kiến chỉ đạo của người chủ doanh nghiệp, nếu ông chủ quá bận rộn với công việc, thì họ cũng lảng tránh công việc đó luôn bởi không muốn chịu trách nhiệm. Với tình trạng này sẽ làm cho nhân viên quản lý mất đi cơ hội phát huy tài năng của mình, doanh nghiệp thì mất đi nguồn nhân tài quản lý giỏi, lợi ích của công ty cũng bị ảnh hưởng theo./.

**Triệu Chính Phương**

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng Trung Quốc số 12/2010*

**ND: Bích Ngọc**

xây dựng tại phố Spartak chính là ví dụ điển hình cho loại hình xây dựng này.

Toà nhà văn phòng và trung tâm thương mại Elokhov mới được xây dựng tại một khu vực có giá trị lịch sử và văn hoá - thương mại của Matxcova, rất gần với Giáo đường lớn



*Giáo đường lớn Bogoyavlensky*

Bogoyavlensky. Trước đây khu vực này còn được gọi là khu phố Đức và là một khu vực thương mại rất sầm uất.

Khu phố Đức, lúc ban đầu là khu vực định cư người nước ngoài sống tại Matxcova. Cuối thế kỷ 17 đây thực sự là một khu vực đô thị Đức (dành cho người nước ngoài) với đường phố sạch sẽ, các ngôi nhà nhỏ tiện nghi và khang trang. Đầu thế kỷ 18, lối sống của khu phố Đức hầu như biến mất và tại khu vực này mọc lên các lâu đài của giới quý phái. Ven bờ sông Yauzur xuất hiện nhà máy dệt lụa mang tên Belavin, nhà máy sản xuất đai truyền mang tên Ivanov và nhiều nhà máy khác. Sau khi cuộc chiến tranh của nước Nga với Napoleon kết thúc vào năm 1812, khu phố Đức là nơi sinh sống chủ yếu của các thương nhân và tầng lớp thị dân. Khu phố Đức mang tên mới là Phố Đức (và từ năm 1918 gọi là Phố Bauman). Địa giới của khu phố Đức được xác định phía Đông và Nam giáp với bờ phải sông Yauzur, phía Bắc giáp làng Elokхов, phía Đông giáp lưu vực sông Kukui có dòng chảy song song với các phố Pleteshkov và Bolshoy Demidov sau đó đổ vào sông Yauzur tại khu vực phố Elizabet. Quy hoạch chung năm 1917 đã đề cập sự phân bố các khu đất xây dựng. Tại Quy hoạch chung năm 1939 đã thể hiện những hoạt động xây dựng được đặc trưng bởi mật độ xây dựng lúc đó.

Các di tích lịch sử và di tích kiến trúc được

bảo tồn tại khu vực này dưới dạng các đảo nhỏ. Tại vị trí xây dựng trung tâm thương mại có một vườn công cộng. Do đó, ngay từ những bước đầu tiên thiết kế và xây dựng toà nhà đã giải quyết vấn đề bảo tồn sự toàn vẹn của bộ mặt kiến trúc của khu vực xây dựng trong đó Giáo đường lớn Bogoyavlensky là điểm nhấn trung tâm.

Theo dự định, trong toà nhà mới sẽ bố trí cơ sở dịch vụ hành chính của giáo xứ thuộc nhà thờ Elokхов mà đồng thời cũng là chủ đầu tư của toà nhà này. Nhưng cuối cùng thì một công ty kinh doanh bất động sản đã dành quyền sở hữu toà nhà văn phòng và trung tâm thương mại này và là người thắng trong cuộc thi “Đề án mang tính hiện thực nhất trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng” do chính quyền thành phố Matxcova phối hợp với Ủy ban Kiến trúc và xây dựng đô thị Matxcova (Moskomarkhitektura) và Hiệp hội các nhà đầu tư tổ chức năm 2007. Việc thiết kế tòa nhà do Cty “INA GROUP” thực hiện.

Toà nhà văn phòng và trung tâm thương mại Elokхов có vị trí rất gần các nút giao thông lớn, như đường vành đai 3, đường vành đai Sadovoye khiến công trình có vị trí rất thuận lợi. Thời gian đi bộ từ ga tàu điện ngầm “Baumanskaya” đến Trung tâm thương mại chỉ khoảng 2 phút. Toà nhà được bố trí trong ô phố lịch sử của quận Basman (một quận hành chính trung tâm) đối diện với Giáo đường lớn Bogoyavlensky - di tích kiến trúc thế kỷ 18.

Tổng diện tích của tổ hợp công trình này là 13.525 m<sup>2</sup> với sức chứa cùng một lúc đến 700 người. Kết cấu chịu lực là bê tông cốt thép liền khối. Diện tích xây dựng: 2668 m<sup>2</sup>.

Công trình có nhà để xe ngầm 2 tầng sức chứa đến 95 xe ô tô.

Tầng 1 có các căn phòng sử dụng cho mục đích thương mại; từ tầng 2 đến tầng 5 được sử dụng làm văn phòng; tầng 5 được thiết kế có các căn hộ chất lượng cao (căn hộ VIP) với hướng nhìn sang phía Giáo đường lớn Bogoyavlensky.



Trung tâm thương mại Elokhov nhìn từ trên cao

Không gian bên trong toà nhà có bố cục chung cho tất cả các tầng trừ tầng 5. Mỗi tầng được ngăn chia ra 4 khối độc lập bằng các hành lang. Càng lên các tầng cao hơn, giải pháp quy hoạch lại càng trở nên phong phú và hấp dẫn hơn. Ví dụ, trên tầng 3 bố trí khu vực sân hiên mở tự do (dành cho cả tầng 4) được viền khuôn dọc theo chu vi bởi các dãy cột. Tầng 5 được thiết kế có sân hiên. Đây là tầng dành cho những người có thu nhập cao thuê bất động sản; tại đây có thang máy riêng và giải pháp quy hoạch mặt bằng cũng thoáng hơn với bố cục chỉ bao gồm có 2 khối rộng.

Toà nhà Elokhov kết hợp được các hình dáng truyền thống với công nghệ hiện đại (hi-tech) còn các trang thiết bị kỹ thuật cao của toà nhà tạo ra các điều kiện thuận lợi nhất cho việc tổ chức không gian kinh doanh.

Bộ mặt của toà nhà mới thể hiện cho sự liên hệ giữa các giai đoạn thời gian, kết hợp hài hoà các giải pháp, vật liệu và các yếu tố trang trí vừa hiện đại vừa mang đặc trưng của các công trình xây dựng có ý nghĩa lịch sử. Mặt trước nhà được thiết kế theo giải pháp một dải băng đai thống nhất và được chia ra các khối mô phỏng từng ngôi nhà đứng riêng biệt với các đường đi kiểu hành lang có mái che dọc phố nhằm thu hút khách đi vào bên trong nhà. Điều đó không phải không có lý do bởi tầng 1 được dành cho các hoạt động thương mại. Mỗi khối nhà đều có

mặt trước và màu sắc riêng của mình hơn nữa tại mặt trước chính của toà nhà hướng ra phố Spartak được thiết kế tuân theo quy luật chặt chẽ về bố trí các ô cửa sổ, từ mặt trước nhà có 2 cửa sổ tầng dần cho đến mặt trước nhà có 5 cửa sổ, qua đó tạo ra một nhịp điệu nhất định làm nổi bật các hình khối chủ yếu theo một trình tự nhất định. Ngay các chỗ gián đoạn (trong bố cục mặt trước) cũng không giống nhau, có chỗ hẹp có chỗ rộng, có chỗ được trang trí bởi cột có chỗ không, đem lại sự đa dạng, phong phú cho bộ mặt kiến trúc của toà nhà. Nếu chúng ta quan sát kỹ sẽ nhận thấy ở khắp mọi nơi đều thể hiện lôgic riêng, quy luật riêng. Điều đó tạo nên cảm giác rằng mỗi khối nhà có một chức năng riêng tuy tất cả các khối đơn nguyên đó chỉ là những phần riêng trong một tổng thể chung trong khi sự chia nhỏ của tổng thể này là một giải pháp đặc biệt giúp gắn kết phần lớn hình khối của toà nhà vào cảnh quan đô thị.

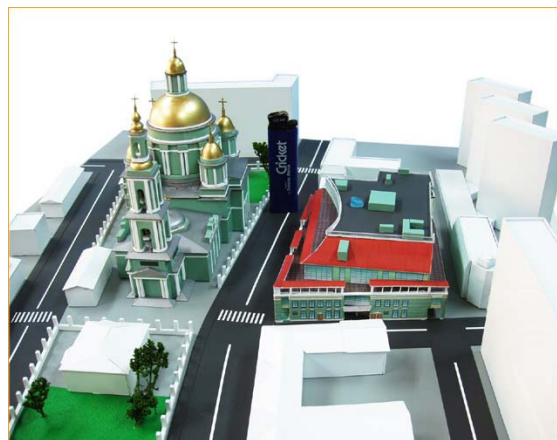
Việc bố trí công trình theo các tầng bậc là một chủ đề quan trọng của việc bố cục công trình. Nhờ đó toà nhà dường như có kích thước tương đương với kích thước các công trình xung quanh mặc dù trên thực tế toà nhà có kích thước lớn hơn và cao hơn so với các yếu tố kiến trúc của các công trình bao quanh nó. Một trong hai khối nhà chính (khối nhà gồm tầng 1 và tầng 2 mà kết thúc phía trên bởi dãy cột) được bố trí dọc theo chỉ giới đường đỏ còn khối nhà thứ hai (bao gồm 3 tầng nhà còn lại) lại được bố trí xoay đi một góc so với khối thứ nhất và hầu như được bọc hoàn toàn bằng kính có khả năng phản chiếu như gương. Điều đó không phải ngẫu nhiên. Khối nhà thứ hai được bố trí lùi vào bên trong, được xoay đi một góc so với khối thứ nhất và bọc kính phản chiếu gương, trên thực tế giúp cho khối nhà này hoà tan vào bầu trời, trở thành nền trung hoà cho dãy cột; biện pháp này xét về cảm thụ thị giác giúp làm nổi bật khối nhà thứ nhất mà bản thân khối nhà thứ hai dường như không bị hiện ra một cách nổi bật. Tầng 5 còn được bố trí lùi hơn nữa vào

phía trong và được “che dấu” thêm bởi mái nghiêng của mái nhà khối nhà thứ hai. Kết quả là người đi đường chỉ cảm nhận công trình như hệ thống của các khối nhà hai tầng kích thước không lớn mà không cảm thấy nó là toà nhà 5 tầng được bố trí dọc theo suốt chiều dài ô phố và trên tất cả mặt bằng của một ô phố.

Thêm một đặc điểm nữa cần lưu ý được tạo nên bởi sự chuyển dịch và sự xoay đi một góc nhất định của khối nhà bên trên so với khối nhà bên dưới là mở ra cái nhìn toàn cảnh đối với tháp chuông Giáo đường lớn Bogoyavlensky khi nhìn từ phố Pleteshkov. Sự chuyển dịch của khối nhà thứ hai mở ra tầm nhìn sang phía tháp chuông Giáo đường lớn qua đó bảo tồn được vai trò điểm nhấn trung tâm của Giáo đường lớn và còn đem lại khả năng biểu cảm cho phong cảnh chung của hàng loạt công trình khác.

Bộ phận cấu thành quan trọng của bộ mặt kiến trúc của Toà nhà Elokhov là màu sắc cũng được lựa chọn có lý do của nó. Màu sắc của toà nhà mang đặc tính truyền thống: Màu vàng, màu xanh da trời, màu xanh lá cây. Các gam màu nhẹ nhàng tạo sự yên bình, ổn định, giảm căng thẳng,... Thế nhưng khi chú ý quan sát nghệ thuật kết hợp các màu sắc trang trí của Giáo đường lớn ta sẽ hiểu được ý tưởng lựa chọn màu của các kiến trúc sư, theo đó giải pháp màu đã hướng đến Giáo đường lớn một cách thành công qua đó cùng với hệ thống màu sắc trang trí của Giáo đường lớn tạo ra một quần thể màu sắc được kết hợp một cách nghệ thuật.

Nói chung chủ đề Giáo đường lớn đã được quan tâm đến trong rất nhiều giải pháp kiến trúc của Trung tâm thương mại. Mặt trước chính của toà nhà phản chiếu được hình ảnh của Giáo đường lớn lên mặt kính gương ốp của mình. Thêm vào đó các đoạn ngắt quãng giữa các khối nhà được bố trí đối diện trực tiếp với các yếu tố điểm nhấn chính của Giáo đường lớn là mái vòm và các tháp chuông. Điều đó tạo cảm giác như đang diễn ra sự thể hiện tính lịch sử trong tính hiện đại.



*Mô hình toà nhà Elokhov - sự kết hợp hài hòa với Giáo đường lớn Bogoyavlensky*

Trung tâm thương mại còn thể hiện được “thái độ lịch thiệp” của một công trình mới xây đối với công trình hiện có. Xét trên toàn cảnh có thể thấy công trình đã hoà nhập tốt với môi trường xung quanh, không xung đột với môi trường xung quanh xét về hình khối, phong cách và màu sắc.

Dọc theo phố Pleteshkov mặt bên phải của toà nhà khi nhìn bằng mắt có cảm giác như được nâng cao hơn để phù hợp với chiều cao của toà nhà ngân hàng bên cạnh.

Giáo đường lớn Bogoyavlensky xây dựng vào thế kỷ 18 tiếp tục giữ vai trò là điểm nhấn trung tâm và là công trình định hướng kiến trúc cho khu vực. Như chúng ta đã thấy, trong khi vừa là một cái nền thanh lịch vừa là một cái khung cho chủ đề chính là Giáo đường lớn, toà nhà mới xây đã thông qua các giải pháp và công cụ khác nhau góp phần giúp cho Giáo đường lớn thực hiện vai trò của mình. Do đó, công trình Toà nhà Elokhov hoàn toàn có thể được xem như một ví dụ thành công về xây dựng công trình mới trong phố cổ trung tâm ở Matxcova.

**Prokofieva Y.A**

*Nguồn: Tạp chí Kiến trúc và xây dựng*

*Matxcova, số 3/2010*

*Dịch và biên tập: Huỳnh Phước*



# HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CUỘC VẬN ĐỘNG “ĐẢM BẢO VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM XÂY DỰNG” GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2010



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh phát biểu tại Hội nghị



Toàn cảnh Hội nghị